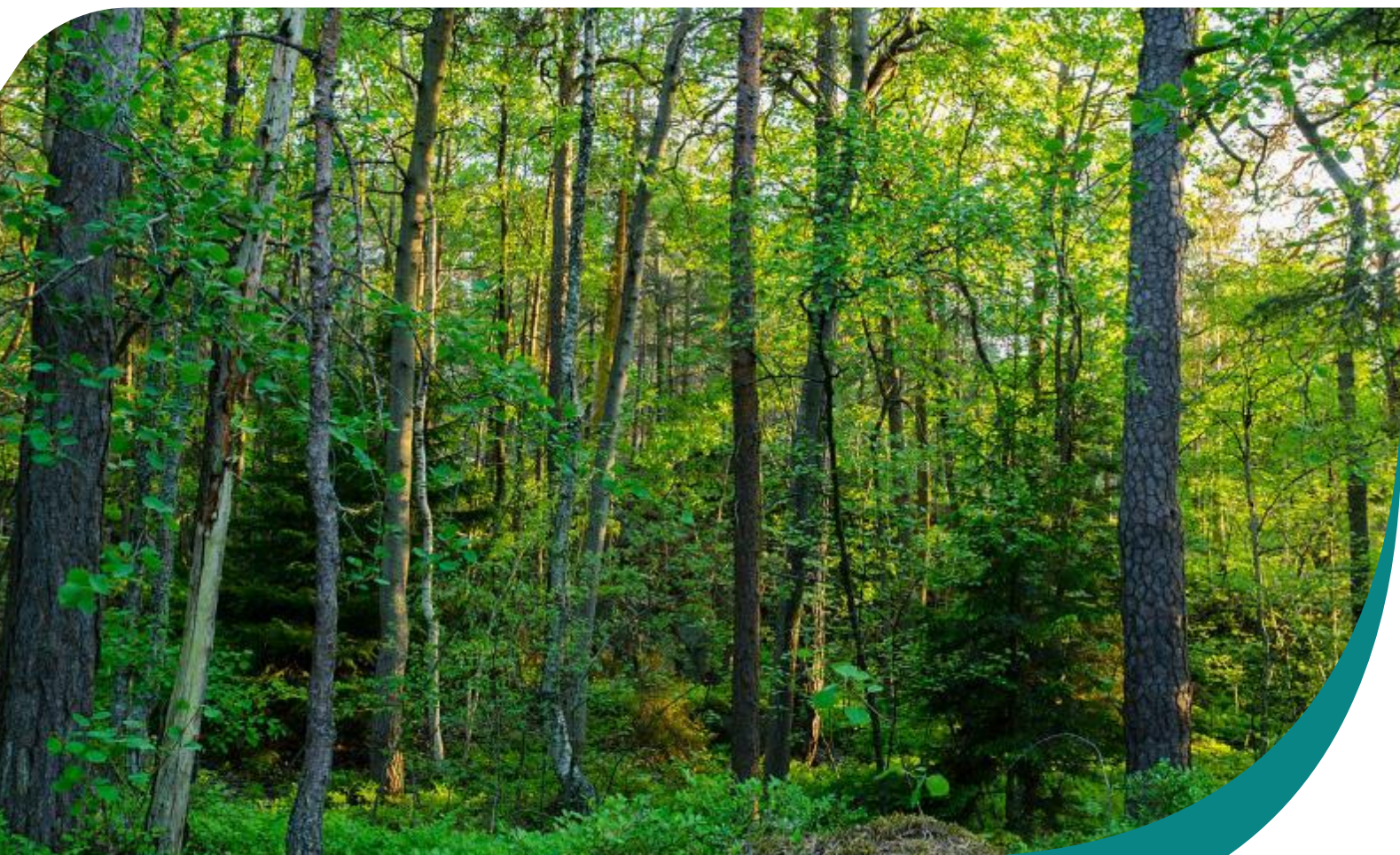




Implemented by  
**giz** Deutsche Gesellschaft  
für Internationale  
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



## Dự án “Hỗ trợ quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT tại Việt Nam”

Tài liệu tập huấn cho cán bộ hải quan về các hệ thống chứng chỉ được VNTLAS công nhận



**Xuất bản bởi**

Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH

**Thay mặt**

Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển (BMZ), CHLB Đức

**Văn phòng đăng ký**

Bonn và Eschborn, Đức

**Dự án**

Hỗ trợ quá trình thực hiện Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT tại Việt Nam

**Thời gian xuất bản**

Tháng 4 năm 2025

**Tác giả**

TS. Cao Thị Thu Hiền

**Chịu trách nhiệm**

Anja Barth – Cố vấn trưởng dự án

**Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm**

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích, và các khuyến nghị trong cuốn sách này dựa trên những thông tin thu thập bởi GIZ, tư vấn, đối tác của GIZ và những người cung cấp tin và dữ liệu, và không nhất thiết phải đại diện cho quan điểm của GIZ hay BMZ.

GIZ và từ chối chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng tài liệu này và các thông tin được cung cấp trong tài liệu bởi các cá nhân và tổ chức khác, cũng như bất kỳ tổn thất nào là kết quả của hành động đó.

## Quyền và Giấy phép

Tài liệu và nội dung này được chuẩn bị bởi các Dự án Forest and Biodiversity của Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (BNN&PTNT). Tài liệu này được coi là Tài nguyên Giáo dục Mở (OER) và được cấp phép theo Giấy phép Creative Commons (1)



Giấy phép CC-BY-ND (Trích nguồn – Không phái sinh)

Giấy phép này cho phép người sử dụng sao chép và phân phối tài liệu ở bất kỳ định dạng hoặc phương tiện nào, chỉ với điều kiện không sửa đổi nội dung và phải trích nguồn tác giả. Giấy phép cũng cho phép sử dụng với mục đích thương mại.

CC BY-ND bao gồm các yếu tố sau:



BY: Phải trích rõ nguồn tác giả.

Vui lòng trích dẫn tài liệu như sau: GIZ & BNN&PTNT. 2025. *Tài liệu tập huấn “Tài liệu tập huấn cho cán bộ hải quan về các hệ thống chứng chỉ được VNTLAS công nhận*

. Giấy phép: Creative Commons Attribution CC-BY-ND.



ND: Không được phép chỉnh sửa, thay đổi hoặc phái sinh từ tác phẩm gốc

## Dịch thuật

Nếu tạo bản dịch của tài liệu này, vui lòng thêm tuyên bố sau cùng với phần trích dẫn nguồn:

Bản dịch này không được thực hiện bởi GIZ & BNN&PTNT và không nên được xem là bản dịch chính thức của GIZ & BNN&PTNT. GIZ & BNN&PTNT không đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy, đầy đủ của bản dịch này, và không chịu trách nhiệm về bất kỳ nội dung hoặc lỗi nào trong bản dịch. Phiên bản gốc bằng ngôn ngữ gốc là phiên bản có giá trị pháp lý và xác thực.

## Lưu ý về mục đích thương mại

Tài liệu này được phát triển với nguồn tài trợ từ Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ). Do đó, tài liệu không nên được sao chép, sử dụng hoặc bán với mục đích chính là thu lợi thương mại.

Mọi thắc mắc liên quan đến quyền và giấy phép, vui lòng liên hệ Văn phòng GIZ tại Hà Nội qua [giz-vietnam@giz.de](mailto:giz-vietnam@giz.de).

(1) <https://creativecommons.org>

# Mục lục

<b>1. Mối quan hệ giữa VPA, VNTLAS và các hệ thống chứng chỉ</b> .....	<b>8</b>
<b>2. Tổng quan về các hệ thống chứng chỉ</b> .....	<b>10</b>
2.1. Giới thiệu về hội đồng quản trị rừng (FSC).....	11
2.1.1. Tiêu chuẩn quốc tế FSC về quản lý rừng (FM).....	13
2.1.2. Tiêu chuẩn quốc tế FSC về Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) .....	13
2.1.3. Tiêu chuẩn quốc tế FSC về Gỗ được kiểm soát (CW) .....	14
2.2. Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC).....	15
2.2.1. Tiêu chuẩn VFCS/PEFC về quản lý rừng (FM) .....	17
2.2.2. Tiêu chuẩn PEFC về Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC).....	17
<b>3. Hồ sơ gỗ nhập khẩu/xuất khẩu theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP và Nghị định 120/2024/NĐ-CP</b> .....	<b>19</b>
3.1. Hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định của ND 120/2024/NĐ-CP.....	19
3.2. Hồ sơ gỗ xuất khẩu theo quy định của ND 120/2024/NĐ-CP .....	21
3.3. Ví dụ về hồ sơ gỗ và sản phẩm gỗ hợp pháp.....	23
3.3.1. Gỗ khai thác chính từ rừng trồng do nhà nước là đại diện chủ sở hữu .....	23
3.3.2. Gỗ khai thác từ rừng trồng thuộc sở hữu tổ chức, cá nhân .....	23
3.3.3. Gỗ nhập khẩu.....	23
<b>4. Yêu cầu đối với việc sử dụng nhãn mác</b> .....	<b>24</b>
4.1. Yêu cầu đối với việc sử dụng nhãn mác FSC® .....	24
4.2. Nguyên tắc sử dụng nhãn VFCS và PEFC.....	30
4.2.1. Nguyên tắc sử dụng nhãn VFCS .....	30
4.2.2. Nguyên tắc sử dụng nhãn PEFC .....	32
<b>5. Nguồn thông tin sẵn có, miễn phí để hỗ trợ các bên liên quan về nguồn gốc gỗ.</b>	<b>41</b>
5.1. Trang website của Hội đồng quản trị rừng (FSC).....	41
5.2. Trang website của Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC).....	46
<b>6. Bài tập</b> .....	<b>51</b>
6.1. Truy xuất chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) trên hồ sơ gỗ.....	51
6.2. Xác minh hiệu lực chứng chỉ FSC và VFCS/PEFC trên website .....	52
6.3. Game/Quizz nhận diện logo các hệ thống chứng chỉ .....	53
<b>7. Phụ lục</b> .....	<b>55</b>
<b>8. Tài liệu tham khảo</b> .....	<b>66</b>

## **Danh sách bảng biểu**

<i>Bảng 1. Mối quan hệ giữa VNTLAS, VPA và chứng chỉ rừng.....</i>	<i>10</i>
<i>Bảng 2. Hệ thống chứng chỉ FSC, PEFC đáp ứng các yêu cầu cơ bản của VNTLAS.....</i>	<i>18</i>
<i>Bảng 3. Yêu cầu về kê khai nguồn gốc và hồ sơ gỗ nhập khẩu vào Việt Nam theo.....</i>	<i>19</i>

## Danh sách hình vẽ

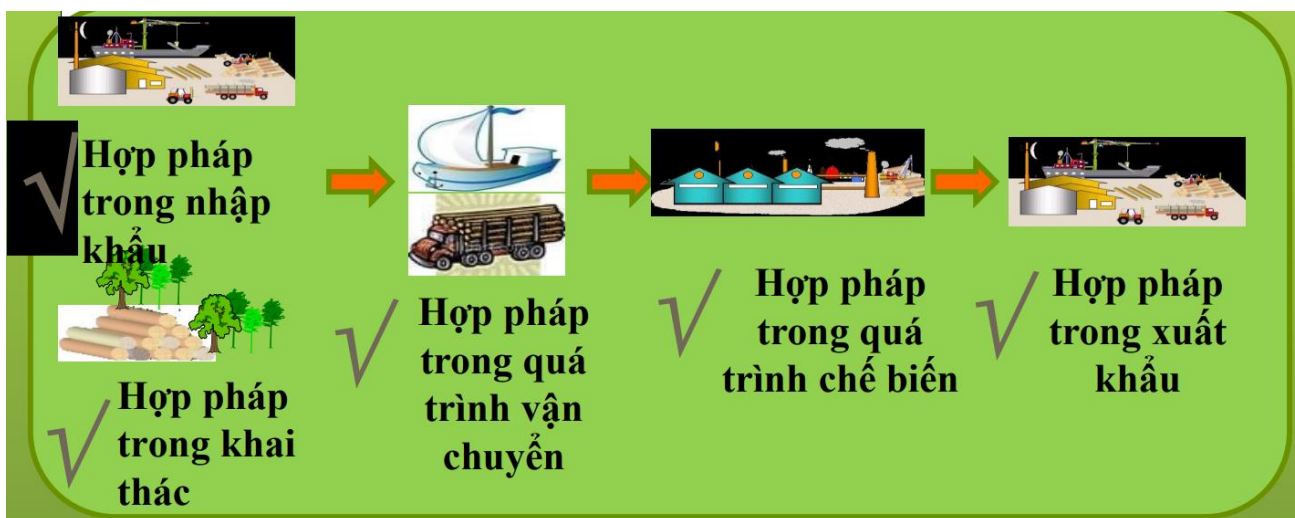
<b>Hình 1. Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam VNTLAS</b> .....	8
<b>Hình 2: Diện tích rừng được chứng nhận FSC tại Việt Nam</b> .....	12
<b>Hình 3: Chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm FSC tại Việt Nam</b> .....	12
<b>Hình 4: Chứng chỉ PEFC tại Việt Nam</b> .....	16
<b>Hình 5: Khai báo FSC</b> .....	24
<b>Hình 6. Nhãn hiệu FSC</b> .....	25
<b>Hình 7. Kích thước tối thiểu của logo FSC</b> .....	26
<b>Hình 8. Khoảng trống tối thiểu trong nhãn FSC</b> .....	26
<b>Hình 9. Bốn màu sắc tiêu chuẩn của nhãn FSC®</b> .....	27
<b>Hình 10. Một số ví dụ về màu sắc của nhãn FSC®</b> .....	28
<b>Hình 11. Màu sắc của logo và nhãn FSC</b> .....	29
<b>Hình 12. Yêu cầu về kích thước tối thiểu</b> .....	30
<b>Hình 13. Thông số kỹ thuật của nhãn VFCS</b> .....	31
<b>Hình 14. Nguyên tắc mã hóa nhãn VFCS đối với nhóm B và C</b> .....	32
<b>Hình 15. Nguyên tắc mã hóa nhãn VFCS đối với nhóm D</b> .....	32
<b>Hình 16. Nguyên tắc mã hóa nhãn PEFC</b> .....	34
<b>Hình 17. Nhãn chứng nhận PEFC</b> .....	35
<b>Hình 18. Nhãn chứng nhận PEFC không có từ tái chế</b> .....	35
<b>Hình 19. Nhãn chứng nhận 100% PEFC origin</b> .....	36
<b>Hình 20. Nhãn chứng nhận PEFC Recycled</b> .....	36
<b>Hình 21. Yêu cầu đồ họa của nhãn PEFC</b> .....	37
<b>Hình 22. Màu sắc nhãn PEFC</b> .....	39
<b>Hình 23. Nhãn PEFC hướng ngang (landscape) hoặc dọc (portrait)</b> .....	40
<b>Hình 24. Kích thước tối thiểu của nhãn PEFC</b> .....	40
<b>Hình 25. Khoảng trống rõ ràng bao quanh nhãn PEFC</b> .....	41
<b>Hình 26. Địa chỉ trang web tra cứu chứng chỉ rừng FSC</b> .....	42

<i>Hình 27. Tra cứu thông tin chứng chỉ FSC bằng mã số chứng chỉ.....</i>	<i>42</i>
<i>Hình 28. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC FM còn hiệu lực.....</i>	<i>43</i>
<i>Hình 29. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC FM bị “treo”.....</i>	<i>44</i>
<i>Hình 30. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC FM bị thu hồi.....</i>	<i>44</i>
<i>Hình 31. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC COC còn hiệu lực.....</i>	<i>45</i>
<i>Hình 32. Địa chỉ trang web tra cứu chứng chỉ rừng PEFC.....</i>	<i>46</i>
<i>Hình 33. Tra cứu thông tin chứng chỉ PEFC bằng tên của công ty/nhóm.....</i>	<i>47</i>
<i>Hình 34. Tra cứu thông tin chứng chỉ PEFC bằng mã số chứng chỉ.....</i>	<i>47</i>
<i>Hình 35. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC FM còn hiệu lực.....</i>	<i>48</i>
<i>Hình 36. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC FM bị “treo”.....</i>	<i>49</i>
<i>Hình 37. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC FM bị thu hồi.....</i>	<i>50</i>
<i>Hình 38. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC COC còn hiệu lực.....</i>	<i>51</i>

# 1. Môi quan hệ giữa VPA, VNTLAS và các hệ thống chứng chỉ

Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) là một hiệp định mang tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa Chính phủ Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU). Theo quy định tại Phụ lục V của Hiệp định này, Việt Nam cam kết triển khai Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam (VNTLAS), thiết lập hệ thống quy định pháp luật nhằm xác minh tính hợp pháp của gỗ nhập khẩu và gỗ được khai thác, sản xuất trong nước, đồng thời đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về vận chuyển, chế biến và xuất khẩu. Về phía EU, EU đồng ý chấp nhận Giấy phép FLEGT (Thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản) được cấp theo VPA nhằm xác minh sự tuân thủ các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS, chứng minh tính hợp pháp theo Quy chế gỗ của EU [Nguồn: 1].

Theo quy định của Hệ thống VNTLAS, các nhà nhập khẩu phải chứng minh nguồn gốc hợp pháp của gỗ nhập khẩu vào Việt Nam. Họ có thể thực hiện điều này bằng cách cung cấp giấy phép FLEGT hoặc giấy phép tương đương, giấy phép CITES hợp lệ, hoặc nộp bảng kê khai thể hiện việc thực hiện trách nhiệm giải trình. Đối với trường hợp thứ ba, nhà nhập khẩu cần thu thập thông tin về quy định pháp luật có liên quan (quyền khai thác, các hoạt động lâm nghiệp, thuế và các loại phí, thương mại và hải quan) tại quốc gia khai thác, cùng với bằng chứng cho thấy đã tuân thủ các quy định pháp luật đó. Bằng chứng có thể được sử dụng trong quá trình thực hiện trách nhiệm giải trình bao gồm các chứng chỉ được cấp theo các hệ thống chứng chỉ tự nguyện và chứng chỉ quốc gia, được Việt Nam công nhận là đáp ứng các yêu cầu của Hệ thống VNTLAS [Nguồn: 10].



Hình 1. Hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp Việt Nam VNTLAS

Hội đồng quản trị rừng (FSC) và Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC)

được công nhận trên toàn cầu nhờ các tiêu chuẩn khắt khe trong quản lý rừng, chuỗi hành trình sản phẩm và nguồn cung cấp gỗ được kiểm soát. Các quy định của FSC và PEFC đảm bảo gỗ nhập khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn về tính bền vững và hợp pháp được quốc tế chấp nhận. Các hệ thống này thường được sử dụng để nhập khẩu gỗ vào Việt Nam. Điều này cho thấy các hệ thống này phù hợp và được áp dụng rộng rãi trong ngành [Nguồn: 1].

*Phụ lục II và mục 3 trong phụ lục V của VPA* về định nghĩa gỗ hợp pháp đã quy định chi tiết các tiêu chí xác định gỗ hợp pháp, bao gồm:

- Nguồn gốc từ rừng được cấp phép khai thác
- Tuân thủ luật pháp về môi trường, lao động và thuế.

Hơn nữa, mục 2.3 về *hệ thống chứng chỉ tự nguyện và chứng chỉ quốc gia được Hệ thống VNTLAS công nhận trong phụ lục V của VPA* về hệ thống đảm bảo gỗ hợp pháp của Việt Nam: Chứng chỉ tự nguyện là chứng nhận được cấp bởi bên thứ ba được thị trường công nhận và không mang tính ràng buộc pháp lý. Chứng chỉ quốc gia là chứng nhận mang tính tự nguyện hoặc ràng buộc pháp lý dựa trên bộ tiêu chí đã được xác định theo sự đánh giá và giám sát của Chính phủ. Các loại chứng chỉ tự nguyện và chứng chỉ quốc gia được VNTLAS công nhận được xem xét là bằng chứng bổ sung cho việc xác minh gỗ nhập khẩu dựa trên rủi ro (như quy định tại mục 6.3.7). Gỗ nhập khẩu có giấy phép FLEGT hoặc CITES mặc nhiên được công nhận là hợp pháp như quy định tại Mục 6.3.7. Việt Nam sẽ xem xét các loại chứng chỉ tự nguyện và chứng chỉ quốc gia theo yêu cầu của Hệ thống VNTLAS và quyết định danh sách chứng chỉ và chia sẻ thông tin với Ủy ban thực thi chung (JIC). Việc đánh giá các loại chứng chỉ tự nguyện và chứng chỉ quốc gia sẽ được tiến hành theo phương pháp được JIC chấp thuận và phương pháp đánh giá sẽ được hoàn thành trước khi đánh giá tính sẵn sàng vận hành của VNTLAS (Phụ lục VII). Danh sách các chứng chỉ được Hệ thống VNTLAS công nhận sẽ được đánh giá lại, cập nhật và thông báo cho JIC trong quá trình thực hiện [Nguồn: 1].

*Mục 4 trong phụ lục V của VPA* về tạo lập, xác minh và phê duyệt bằng chứng tại tất cả các giai đoạn của chuỗi cung ứng.

Như vậy, mặc dù VPA không yêu cầu bắt buộc phải có chứng chỉ FSC hay PEFC, nhưng gỗ có các chứng chỉ này có thể dễ dàng chứng minh tính hợp pháp hơn trong hệ thống VNTLAS. Thực tế, một số doanh nghiệp sử dụng hệ thống chứng chỉ FSC hoặc PEFC như một công cụ hỗ trợ để đáp ứng yêu cầu thị trường EU.

Mối quan hệ giữa VNTLAS, VPA và chứng chỉ rừng có thể được hiểu như sau:

**Bảng 1. Mối quan hệ giữa VNTLAS, VPA và chứng chỉ rừng**

<b>Tiêu chí</b>	<b>VNTLAS</b>	<b>VPA/FLEGT</b>	<b>Chứng chỉ rừng</b>
<b>Mục đích</b>	Đảm bảo tính hợp pháp của gỗ	Xuất khẩu gỗ hợp pháp vào EU	Chứng nhận quản lý rừng bền vững
<b>Phạm vi</b>	Bắt buộc với gỗ xuất khẩu/sử dụng trong nước	Bắt buộc để xuất khẩu sang EU	Tự nguyện, nhưng có giá trị thị trường cao
<b>Mối liên hệ</b>	VNTLAS là cơ sở để cấp Giấy phép FLEGT	Chứng chỉ rừng có thể hỗ trợ đáp ứng yêu cầu pháp lý (VNTLAS/VPA)	Chứng chỉ rừng không thay thế VNTLAS nhưng bổ sung giá trị

Doanh nghiệp muốn xuất khẩu gỗ vào EU cần đáp ứng VNTLAS để được cấp FLEGT License (theo VPA). Nếu có thêm chứng chỉ FSC hoặc VFCS/PEFC, sản phẩm sẽ có lợi thế cạnh tranh cao hơn.

Chứng chỉ FSC hoặc VFCS/PEFC tập trung vào tính bền vững, trong khi VNTLAS/VPA tập trung vào tính hợp pháp. Một số yêu cầu của chứng chỉ FSC hoặc VFCS/PEFC (như quản lý rừng hay truy xuất nguồn gốc COC) có thể hỗ trợ doanh nghiệp đạt chuẩn VNTLAS.

Như vậy, doanh nghiệp có thể kết hợp cả VNTLAS + FSC hoặc VFCS/PEFC để vừa đáp ứng yêu cầu pháp lý, vừa tăng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế.

## **2. Tổng quan về các hệ thống chứng chỉ**

Các hệ thống chứng chỉ tự nguyện và hệ thống chứng chỉ quốc gia được công nhận, có thể được sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp thông qua bảng kê khai.

Hiện nay, Hội đồng quản trị rừng (FSC) và Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC) là hai trong số các hệ thống chứng chỉ quản lý rừng được công nhận rộng rãi nhất trên toàn cầu. Cả hai đều hướng đến mục tiêu thúc đẩy quản lý rừng bền vững, nhưng chúng khác nhau về cách tiếp cận, quản trị và lĩnh vực trọng tâm. Dưới đây là phần giới thiệu về từng hệ thống:

## 2.1. Giới thiệu về hội đồng quản trị rừng (FSC)

FSC là một tổ chức phi lợi nhuận, được thành lập vào năm 1994 như một chứng nhận tự nguyện về lâm nghiệp bền vững, thúc đẩy việc quản lý rừng trên thế giới một cách lành mạnh về mặt môi trường, có lợi cho xã hội và khả thi về mặt kinh tế.

Hiện nay, FSC có mạng lưới chuỗi cung ứng được chứng nhận rộng khắp nhất, cho phép kết nối giữa thị trường và lâm nghiệp bền vững – bao gồm hơn 150 triệu ha rừng được quản lý theo tiêu chuẩn FSC.

FSC cung cấp các loại chứng nhận sau:

(1) Quản lý rừng (FM): Dành cho các khu rừng được quản lý có trách nhiệm.

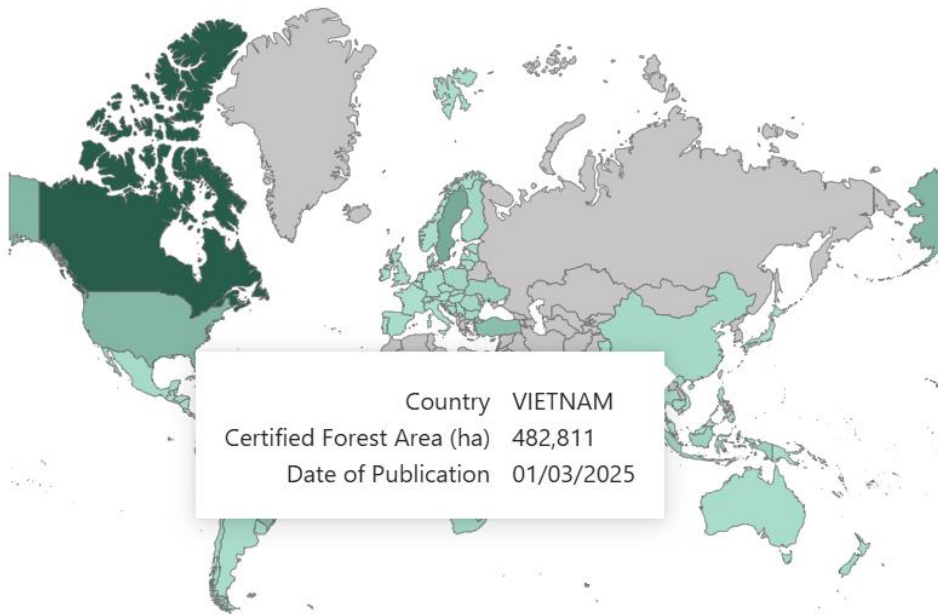
(2) Chuỗi hành trình (CoC): Theo dõi các vật liệu được chứng nhận FSC thông qua chuỗi cung ứng.

(3) Gỗ có kiểm soát (CW): bao gồm FM và CoC.

Các sản phẩm mang nhãn FSC đảm bảo với người tiêu dùng rằng chúng đến từ các khu rừng được quản lý có trách nhiệm.

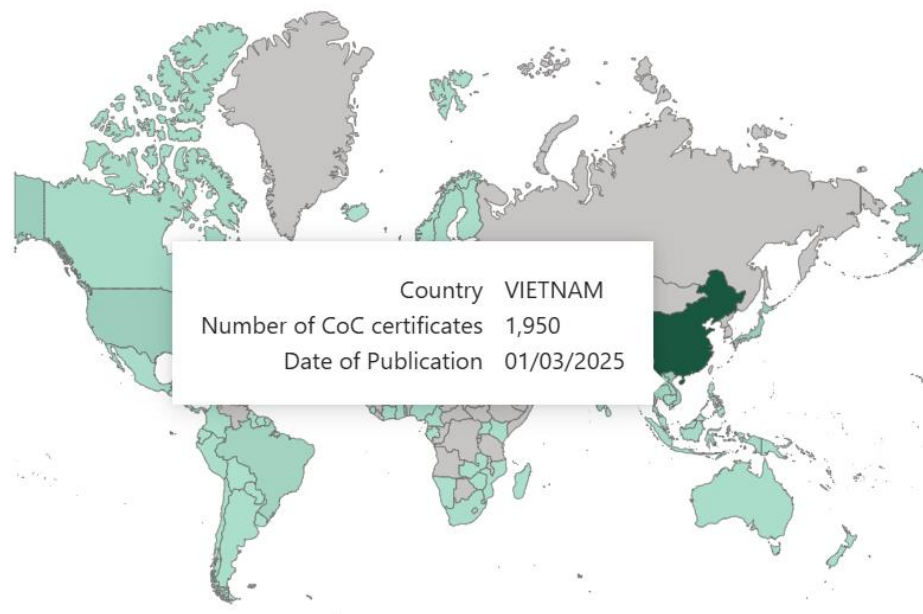
Các tiêu chuẩn Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) và Gỗ được kiểm soát (CW) mang tính quốc tế và được áp dụng trên toàn thế giới, không có tiêu chuẩn CoC và CW của quốc gia. Tuy nhiên tiêu chuẩn FM được điều chỉnh cho các quốc gia khác nhau.

Tính đến ngày 01 tháng 03 năm 2025, trên thế giới đã có 161.723.872 ha rừng được chứng nhận với 1.601 chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FM) và 65.372 chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) [Nguồn: 2]. Trong đó, Việt Nam có 482.811 ha rừng được chứng nhận FSC (Hình 2) và 1.950 chứng chỉ FSC CoC (Hình 3).



**Hình 2: Diện tích rừng được chứng nhận FSC tại Việt Nam**

[Nguồn: 2]



**Hình 3: Chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm FSC tại Việt Nam**

[Nguồn: 2]

Chứng chỉ FSC là chứng chỉ tự nguyện (i) được cấp bởi bên thứ ba (ii) được thị trường công nhận và (iii) không mang tính ràng buộc pháp lý [Nguồn: 1].

(i) **Được cấp bởi bên thứ ba:** Quá trình cấp chứng chỉ FSC có sự tham gia của các tổ chức bên thứ ba, thường được gọi là tổ chức chứng nhận hoặc các tổ chức đánh

giá, tiến hành đánh giá độc lập. Những đánh giá này xác định xem các chủ thể được chứng nhận có đáp ứng các tiêu chuẩn của FSC về các hoạt động bền vững hay không. Sự tham gia của các bên đánh giá thứ ba giúp nâng cao độ tin cậy và tính khách quan của quy trình cấp chứng chỉ FSC, củng cố độ tin cậy của chứng chỉ này trên các lĩnh vực khác nhau.

(ii) **Được thị trường công nhận:** FSC cung cấp các chứng chỉ cho phép những chủ thể tham gia thị trường, bao gồm các chủ rừng, doanh nghiệp và nhà bán lẻ, tự nguyện áp dụng các tiêu chuẩn của FSC cho các hoạt động bền vững. Các chủ thể chọn tuân thủ các nguyên tắc của FSC để thể hiện cam kết đối với quản lý rừng và tìm nguồn cung ứng sản phẩm có trách nhiệm, được thúc đẩy bởi thị hiếu của thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm bền vững với môi trường.

(iii) **Không mang tính ràng buộc pháp lý:** Các chứng chỉ FSC, bất kể loại nào, đều không bắt buộc theo quy định của chính phủ. Thay vào đó, các chứng chỉ này là những sáng kiến tự nguyện mà các tổ chức có thể sử dụng nhằm thể hiện sự đóng góp cho các hoạt động bền vững. Tuân thủ các tiêu chuẩn của FSC là một lựa chọn tự nguyện của các doanh nghiệp và chủ rừng, phản ánh cam kết đối với các tiêu chí bền vững được công nhận.

### 2.1.1. Tiêu chuẩn quốc tế FSC về quản lý rừng (FM)

Tại Việt Nam, chứng chỉ FSC về quản lý rừng được đánh giá dựa trên tiêu chuẩn quản lý rừng quốc gia FSC của Việt Nam (FSC-STD-VN-01-2018).

Tiêu chuẩn quốc tế FSC về quản lý rừng được xây dựng thông qua một quy trình minh bạch và có sự tham gia, gồm các yêu cầu mà các chủ rừng và nhà quản lý phải đáp ứng để đạt được chứng chỉ FSC, được đánh giá và kiểm toán bởi các tổ chức chứng nhận độc lập.

Chứng chỉ quản lý rừng bền vững đảm bảo rằng rừng được quản lý bền vững đáp ứng các yêu cầu đầy thách thức về môi trường, xã hội và kinh tế.

### 2.1.2. Tiêu chuẩn quốc tế FSC về Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC)

Chứng chỉ FSC CoC truy xuất hành trình của sản phẩm từ rừng thông qua chuỗi cung ứng, xác minh rằng nguyên liệu có chứng chỉ FSC được xác định hoặc tách biệt với các nguyên liệu không có chứng chỉ FSC trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Chứng chỉ CoC là cách FSC xác minh rằng các nguyên liệu có nguồn gốc từ rừng được sản xuất theo các tiêu chuẩn của FSC được sử dụng một cách đáng tin cậy trong suốt hành trình của sản phẩm từ rừng cho đến khi trở thành thành phẩm.

FSC CoC là hành trình mà các sản phẩm đi từ rừng đến điểm bán sản phẩm có xác nhận FSC và/hoặc sản phẩm hoàn chỉnh và được gắn nhãn FSC.

Chứng chỉ CoC bao gồm từng giai đoạn trong chuỗi cung ứng từ tìm nguồn cung ứng, chế biến, vận chuyển và phân phối mà trong đó quá trình chuyển sang giai đoạn tiếp theo có sự thay đổi quyền sở hữu sản phẩm. Nếu đơn vị/chủ thể muốn khẳng định sản phẩm có chứng chỉ FSC thì bất kỳ sự thay đổi quyền sở hữu nào trong chuỗi cung ứng của sản phẩm có chứng chỉ FSC đều yêu cầu đơn vị/chủ thể đó có các hệ thống quản lý CoC hiệu quả và được xác minh bởi một đơn vị chứng nhận độc lập được FSC công nhận.

Chứng nhận FSC cho các hệ thống quản lý như vậy được thiết kế để cung cấp sự đảm bảo rằng các sản phẩm có chứng chỉ FSC có nguồn gốc từ các khu rừng được quản lý tốt, các nguồn nguyên liệu được kiểm soát, nguyên vật liệu tái chế hoặc các nguồn hỗn hợp.

Như vậy, chứng chỉ FSC CoC tạo điều kiện cho dòng hàng hóa được làm từ các nguồn nguyên liệu đó được minh bạch thông qua chuỗi cung ứng.

Chứng chỉ Chuỗi hành trình sản phẩm: FSC-STD-40-004 V3-1 EN là tiêu chuẩn cốt lõi của Chứng chỉ FSC CoC, trong đó nêu rõ các yêu cầu áp dụng cho tất cả các tổ chức được chứng nhận CoC và các tổ chức nộp đơn liên quan đến tìm nguồn cung ứng, chế biến, dán nhãn và mua bán lâm sản được chứng nhận FSC.

### 2.1.3. Tiêu chuẩn quốc tế FSC về Gỗ được kiểm soát (CW)

Gỗ được kiểm soát FSC là nguyên liệu gỗ từ rừng đã trải qua quá trình đánh giá rủi ro chính thức phù hợp với các tiêu chuẩn gỗ được kiểm soát của FSC và được đánh giá là có nguy cơ thấp không đáp ứng năm trong số các nguyên tắc cơ bản nhất của FSC.

Các nguồn gỗ không được chấp nhận của gỗ được kiểm soát FSC bao gồm:

- Gỗ khai thác bất hợp pháp;
- Gỗ khai thác vi phạm truyền thống và nhân quyền;
- Gỗ từ rừng có giá trị bảo tồn cao đang bị đe dọa bởi các hoạt động quản lý;
- Gỗ từ rừng được chuyển đổi mục đích sang cây trồng và sử dụng phi lâm nghiệp; và
- Gỗ từ rừng trồng cây biến đổi gen;
- Số lượng hạn chế gỗ được kiểm soát có thể được đưa vào các sản phẩm FSC hỗn hợp.

Các công ty quản lý rừng tuân thủ năm tiêu chí về gỗ được kiểm soát của FSC có thể cung cấp gỗ được kiểm soát FSC cho các hoạt động của Chuỗi hành trình sản phẩm FSC. Gỗ được kiểm soát FSC hỗ trợ sản xuất các nguồn hỗn hợp FSC bằng cách cung cấp cho các công ty được chứng nhận FSC các công cụ để kiểm soát gỗ không có chứng chỉ FSC trong các nhóm sản phẩm nhằm tránh việc gỗ được sản xuất, chế biến theo những cách gây tổn hại nhất cho môi trường và xã hội.

Tiêu chuẩn quốc tế về gỗ được kiểm soát (CW) là “Yêu cầu đối với nguồn cung cấp gỗ được kiểm soát FSC”, FSC-STD-40-005 V3-1 EN.

Tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu đối với hệ thống trách nhiệm giải trình để đánh giá và giảm thiểu rủi ro liên quan đến nguyên liệu được cung cấp mà không có chứng nhận FSC và được áp dụng cho các tổ chức đang áp dụng tiêu chuẩn Chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm FSC-STD-40-004 muốn đưa gỗ được kiểm soát vào phạm vi chứng chỉ của họ.

## 2.2. Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC)

Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng, PEFC, là một tổ chức toàn cầu nhằm thúc đẩy quản lý rừng bền vững thông qua cấp chứng chỉ rừng và dán nhãn sản phẩm từ rừng. Sản phẩm có tuyên bố và/hoặc dán nhãn PEFC đảm bảo rằng các nguyên liệu thô đã được sử dụng trong sản xuất có nguồn gốc từ các khu rừng và cây ngoài rừng (TOF) được quản lý bền vững, từ các nguồn tái chế và được kiểm soát.

Tính đến tháng 12 năm 2024, PEFC đã có 57 quốc gia thành viên (Việt Nam là thành viên thứ 51). Có 297 triệu ha rừng trên toàn cầu được chứng nhận PEFC với 750.000 chủ rừng được chứng nhận PEFC trên toàn cầu, 29.800 chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC ở hơn 80 quốc gia, con số này tương đương với một phần ba tổng số chuỗi hành trình sản phẩm trên toàn cầu. Chứng nhận PEFC chứng minh sự tuân thủ các yêu cầu của luật pháp, bao gồm Quy định về gỗ của EU (EUTR), Đạo luật Lacey của Hoa Kỳ và Quy định cấm khai thác gỗ bất hợp pháp của Úc [Nguồn: 3].

Hội đồng PEFC công nhận các hệ thống chứng chỉ rừng của quốc gia và khu vực tuân thủ các yêu cầu của PEFC. Các hệ thống này phải được đánh giá thường xuyên.

Đối với chứng chỉ PEFC, tính đến tháng 12 năm 2024, Việt Nam có 194.205 ha rừng được chứng nhận VFCS/PEFC và 134 chứng chỉ PEFC CoC (Hình 4) [Nguồn: 3].

Asia	Certified area (ha)	Asia			
China	3,198,030	Bahrain	1	Lebanon	2
Indonesia	4,888,159	Bangladesh	1	Malaysia	371
Japan	2,201,612	Brunei Darussalam	1	Philippines	5
Korea, Republic of	704,831	Cambodia	3	Saudi Arabia	1
Malaysia	6,490,440	China	433	Singapore	39
Thailand	2,667	India	49	Taiwan	14
Vietnam	194,205	Indonesia	58	Thailand	32
<b>Total</b>	<b>17,679,945</b>	Israel	3	United Arab Emirates	26
		Japan	472	Vietnam	134
		Korea, Republic of	33	<b>Total</b>	<b>1678</b>

Diện tích rừng được chứng nhận VFCS/PEFC tại Việt Nam

Chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm PEFC tại Việt Nam

**Hình 4: Chứng chỉ PEFC tại Việt Nam**

[Nguồn: 3]

PEFC là hệ thống chứng chỉ tự nguyện, (i) được cấp bởi bên thứ ba (ii) được thị trường công nhận và (iii) không mang tính ràng buộc pháp lý [Nguồn: 1].

(i) **Được cấp bởi bên thứ ba:** Quy trình cấp chứng chỉ PEFC có sự tham gia của các tổ chức bên thứ ba, thường được gọi là các tổ chức chứng nhận hoặc các tổ chức đánh giá, tiến hành đánh giá độc lập. Những đánh giá này xác minh rằng các đơn vị được cấp chứng chỉ tuân thủ các tiêu chuẩn của PEFC về quản lý rừng bền vững và tìm nguồn cung ứng có trách nhiệm. Đánh giá bên thứ ba giúp tăng cường độ tin cậy và tính khách quan của quy trình cấp chứng chỉ PEFC, đảm bảo đánh giá mạnh mẽ việc tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững. Hội đồng PEFC công nhận các hệ thống chứng chỉ rừng của quốc gia và khu vực tuân thủ các yêu cầu của PEFC.

(ii) **Được thị trường công nhận:** PEFC cung cấp một khung chứng nhận cho phép các chủ thể tham gia thị trường, bao gồm các chủ rừng, doanh nghiệp và nhà bán lẻ, tự nguyện áp dụng các tiêu chuẩn PEFC để quản lý rừng bền vững và tìm nguồn cung ứng các sản phẩm gỗ và giấy có trách nhiệm. Các chủ thể có thể linh hoạt lựa chọn chứng chỉ PEFC, đáp ứng thị hiếu của thị trường và nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng đối với các sản phẩm bền vững với môi trường và có nguồn gốc có trách nhiệm.

(iii) **Không mang tính ràng buộc pháp lý:** Chứng chỉ PEFC giống như các sáng kiến tự nguyện, khác biệt với các quy định của chính phủ. Các tổ chức có thể lựa chọn tham gia chứng chỉ PEFC một cách tự nguyện, thể hiện cam kết của họ đối với các hoạt động bền vững. Tuân thủ các tiêu chuẩn PEFC là một quyết định tự nguyện của các doanh

nghiệp và chủ rừng, nhấn mạnh các tiêu chí bền vững được công nhận mà không có nghĩa vụ pháp lý.

### 2.2.1. Tiêu chuẩn VFCS/PEFC về quản lý rừng (FM)

Mục tiêu trọng tâm của tiêu chuẩn quản lý rừng VFCS/PEFC là nhằm thúc đẩy quản lý rừng bền vững và đảm bảo quản lý rừng một cách có trách nhiệm. Tiêu chuẩn này dựa trên bộ các tiêu chí và chỉ số giải quyết các khía cạnh chính của quản lý rừng bền vững.

Tiêu chuẩn quốc tế PEFC về quản lý rừng, mã tham chiếu: PEFC ST 1003:2018 “Quản lý rừng bền vững – Các yêu cầu”. Tài liệu này tạo thành Tiêu chuẩn bền vững của chứng chỉ quốc tế PEFC dành cho các tiêu chuẩn khu vực, quốc gia hoặc địa phương được PEFC công nhận để quản lý rừng bền vững các khu rừng và cây ngoài rừng. Mỗi tiêu chuẩn quản lý rừng của quốc gia phải đáp ứng các yêu cầu này để đạt được sự công nhận của PEFC. Trên thực tế, tiêu chuẩn này là cơ sở cho các yêu cầu mà chủ rừng hoặc ban quản lý phải đáp ứng để đạt được chứng chỉ PEFC, trở thành một trong những tiêu chuẩn quan trọng nhất trên toàn thế giới.

Tại Việt Nam, hiện đang áp dụng tiêu chuẩn VFCS/PEFC ST 1003:2019 Bộ tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững.

### 2.2.2. Tiêu chuẩn PEFC về Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC)

Chứng chỉ CoC theo dõi các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng từ các nguồn nguyên liệu bền vững đến sản phẩm cuối cùng. Chứng chỉ CoC chứng minh rằng mỗi bước của chuỗi cung ứng được giám sát chặt chẽ thông qua đánh giá độc lập để đảm bảo loại trừ các nguồn nguyên liệu không bền vững.

Chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm PEFC dựa trên tiêu chuẩn "Chuỗi hành trình sản phẩm của các sản phẩm từ rừng và cây ngoài rừng", mã tham chiếu: PEFC ST 2002: 2020. Tiêu chuẩn này mang lại sự tin cậy rằng nguyên liệu từ rừng và cây ngoài rừng trong các sản phẩm có xác nhận hoặc gắn nhãn PEFC có nguồn gốc từ các khu rừng được quản lý bền vững được cấp chứng chỉ PEFC, từ vật liệu tái chế và/hoặc các nguồn được PEFC kiểm soát.

Chứng chỉ COC bao gồm từng giai đoạn trong chuỗi cung ứng từ tìm nguồn cung ứng, chế biến, mua bán và phân phối mà trong đó quá trình chuyển sang giai đoạn tiếp theo có sự thay đổi quyền sở hữu sản phẩm. Nếu đơn vị/chủ thể muốn khẳng định sản phẩm có chứng chỉ PEFC thì bất kỳ sự thay đổi quyền sở hữu trong chuỗi cung ứng của sản phẩm có chứng chỉ PEFC đều yêu cầu đơn vị/chủ thể đó có các hệ thống quản lý CoC hiệu quả và được xác minh bởi một đơn vị chứng nhận độc lập được công nhận.

Cần lưu ý rằng tiêu chuẩn chuỗi hành trình duy nhất hiện có cho Hệ thống PEFC và tiêu chuẩn này luôn được áp dụng, bất kể quốc gia đang áp dụng chương trình quản lý rừng quốc gia.

**Bảng 2. Hệ thống chứng chỉ FSC, PEFC đáp ứng các yêu cầu cơ bản của VNTLAS**

Hệ thống chứng chỉ	Loại tiêu chuẩn	Phân loại hệ thống	Phạm vi	Các lĩnh vực pháp luật liên quan được hệ thống đề cập
<b>FSC</b>	FM	Tự nguyện	Quản lý rừng	Các hoạt động lâm nghiệp và quyền khai thác
	CoC	Tự nguyện	Chuỗi hành trình sản phẩm	Chế biến và thương mại gỗ và sản phẩm gỗ, truy xuất nguồn gốc, thuế và các loại phí
	CW (bao gồm FM và CoC)	Tự nguyện	Quản lý rừng và Chuỗi hành trình sản phẩm	Các hoạt động lâm nghiệp và quyền khai thác (nguồn hợp pháp/sản xuất hợp pháp) Chế biến và thương mại gỗ và sản phẩm gỗ, truy xuất nguồn gốc, thuế và các loại phí
<b>VFCS/PEFC</b>	FM	Tự nguyện	Quản lý rừng	Các hoạt động lâm nghiệp và quyền khai thác (nguồn hợp pháp/sản xuất hợp pháp)
<b>PEFC</b>	CoC	Tự nguyện	Chuỗi hành trình sản phẩm	Chế biến và thương mại gỗ và sản phẩm gỗ, truy xuất nguồn gốc, thuế và các loại phí

[Nguồn: 1]

### 3. Hồ sơ gỗ nhập khẩu/xuất khẩu theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP và Nghị định 120/2024/NĐ-CP

#### 3.1. Hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định của NĐ 120/2024/NĐ-CP

##### **Điều 7. Hồ sơ gỗ nhập khẩu**

Khi làm thủ tục hải quan đối với lô hàng gỗ nhập khẩu, ngoài bộ hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan, chủ gỗ nhập khẩu phải xuất trình cho cơ quan Hải quan nơi đăng ký tờ khai các tài liệu sau:

1. Bản chính Bảng kê gỗ nhập khẩu do chủ gỗ lập theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Một trong các tài liệu sau:

a) Trường hợp gỗ thuộc Phụ lục CITES: Bản sao giấy phép CITES xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES nước xuất khẩu hoặc nước tái xuất khẩu cấp; Bản chính hoặc bản điện tử giấy phép CITES nhập khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp;

b) Trường hợp gỗ nhập khẩu từ quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định gỗ hợp pháp với EU và đang vận hành hệ thống cấp phép FLEGT: Bản sao giấy phép FLEGT xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp.

3. Trường hợp chủ gỗ xuất trình hồ sơ bằng bản giấy: Sau khi thực hiện xong thủ tục hải quan, cơ quan Hải quan trả lại hồ sơ gỗ nhập khẩu cho chủ gỗ để lưu giữ theo quy định.

Yêu cầu về thực hiện trách nhiệm giải trình, hồ sơ hải quan, giấy tờ bổ sung để chứng minh tính hợp pháp cho từng luồng gỗ nhập khẩu theo quy định của Nghị định số 120/2024/NĐ-CP được tóm tắt như Bảng 3 dưới đây:

**Bảng 3. Yêu cầu về kê khai nguồn gốc và hồ sơ gỗ nhập khẩu vào Việt Nam theo Nghị định số 120/2024/NĐ-CP**

Lô gỗ nhập khẩu	Yêu cầu kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu Mẫu số 03, Phụ lục 1, NĐ 120/2024/NĐ-CP	Hồ sơ nhập khẩu gỗ
1. Lô gỗ nhập khẩu <b>CÓ</b> giấy phép CITES	- <b>KHÔNG</b> phải kê khai Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 03, NĐ 120/2024/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ Hải quan theo quy định hiện hành;</li> <li>- Bảng kê gỗ nhập khẩu (bản chính);</li> <li>- Giấy phép CITES xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền CITES nước XK hoặc tái XK cấp (Bản sao);</li> <li>- Giấy phép CITES nhập khẩu do cơ quan thẩm quyền VN cấp (Bản sao).</li> </ul>
2. Lô gỗ nhập khẩu <b>CÓ</b> giấy phép FLEGT	- <b>KHÔNG</b> phải kê khai Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 03, NĐ 120/2024/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ Hải quan theo quy định hiện hành;</li> <li>- Bảng kê gỗ nhập khẩu (Bản chính);</li> <li>- Giấy phép FLEGT của nước XK cấp (Bản sao)</li> </ul>
3. Lô gỗ nhập khẩu <b>KHÔNG</b> có Giấy phép FLEGT hoặc CITES và thuộc lô hàng rủi ro thấp, đến từ quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý tích cực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>PHẢI</b> kê khai Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo Mẫu số 03, NĐ 120/2024/NĐ-CP.</li> <li>- <b>KHÔNG</b> phải bổ sung giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ nhập khẩu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ Hải quan hiện hành</li> <li>- Bảng kê gỗ nhập khẩu (Bản chính)</li> <li>- Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo Mẫu 03 (Bản chính)</li> </ul>
4. Lô gỗ nhập khẩu <b>KHÔNG</b> có Giấy phép FLEGT hoặc Giấy	- <b>PHẢI</b> kê khai Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ Hải quan hiện hành</li> <li>- Bảng kê gỗ nhập khẩu (Bản chính)</li> <li>- Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập</li> </ul>

Lô gỗ nhập khẩu	Yêu cầu kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu Mẫu số 03, Phụ lục 1, NĐ 120/2024/NĐ-CP	Hồ sơ nhập khẩu gỗ
phép CITES và thuộc lô hàng có rủi ro cao (Loài rủi ro và /hoặc đến từ quốc gia, vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý không tích cực)	khẩu theo Mẫu số 03, NĐ 120/2024/NĐ-CP. - <b>PHẢI</b> bổ sung giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của lô gỗ nhập khẩu	khẩu (Bản chính) - Tài liệu bổ sung: chứng nhận quản lý rừng bền vững; hoặc giấy phép hoặc tài liệu chứng minh được phép khai thác gỗ của nước khai thác; hoặc tài liệu bổ sung khác để chứng minh nguồn gốc hợp pháp (Bản sao, dịch ra tiếng Việt và có công chứng).

[Nguồn: 10]

### 3.2. Hồ sơ gỗ xuất khẩu theo quy định của NĐ 120/2024/NĐ-CP

#### Điều 8. Quy định chung về quản lý gỗ xuất khẩu

1. Gỗ xuất khẩu phải bảo đảm hợp pháp, được làm thủ tục xuất khẩu và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan.

2. Gỗ xuất khẩu được quản lý theo loài gỗ, thị trường xuất khẩu và trên cơ sở kết quả phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ.

3. Gỗ xuất khẩu phải có giấy phép CITES hoặc giấy phép FLEGT hoặc bảng kê gỗ theo quy định tại Nghị định này.

4. Lô hàng gỗ xuất khẩu đã được cấp phép FLEGT được ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục Hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan.

#### Điều 9. Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu

1. Đối tượng xác nhận: Lô hàng gỗ xuất khẩu của chủ gỗ không phải là doanh nghiệp Nhóm I.

Lô hàng gỗ có nguồn gốc từ gỗ rừng trồng trong nước xuất khẩu sang thị trường ngoài EU thì không cần xác nhận.

2. Cơ quan xác nhận: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

3. Hồ sơ đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu, bao gồm:

a) Bản chính đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính bảng kê gỗ xuất khẩu do chủ gỗ lập theo Mẫu số 05 hoặc Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao hồ sơ gỗ nhập khẩu theo quy định tại Điều 7 Nghị định này hoặc bản sao hồ sơ nguồn gốc gỗ khai thác trong nước theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

#### **Điều 10. Hồ sơ gỗ xuất khẩu**

Khi làm thủ tục hải quan đối với lô hàng gỗ xuất khẩu, ngoài bộ hồ sơ hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan, chủ gỗ phải xuất trình cho cơ quan Hải quan nơi đăng ký tờ khai một trong các chứng từ sau:

1. Trường hợp gỗ thuộc Phụ lục CITES: Bản chính hoặc bản sao bản điện tử giấy phép CITES xuất khẩu do Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp.

2. Trường hợp gỗ không thuộc Phụ lục CITES:

a) Lô hàng gỗ xuất khẩu sang thị trường EU: Bản chính hoặc bản sao bản điện tử giấy phép FLEGT;

b) Lô hàng gỗ xuất khẩu sang thị trường ngoài EU:

Trường hợp chủ gỗ là doanh nghiệp Nhóm I: Bản chính bảng kê gỗ xuất khẩu do chủ gỗ lập.

Trường hợp chủ gỗ không phải là doanh nghiệp Nhóm I: Bản chính bảng kê gỗ xuất khẩu do chủ gỗ lập có xác nhận của cơ quan Kiểm lâm sở tại theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Trường hợp chủ gỗ đã hoàn thiện hồ sơ xuất khẩu lô hàng, nhưng ủy thác cho doanh nghiệp khác để xuất khẩu thì ngoài một trong các chứng từ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này, doanh nghiệp nhận ủy thác để xuất khẩu phải gửi kèm theo bản sao hợp đồng ủy thác.

#### **Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan Kiểm lâm, Cơ quan cấp phép, cơ quan Hải quan và của tổ chức, cá nhân có liên quan**

4. Cơ quan Hải quan:

a) Kiểm tra gỗ nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật về Hải quan;

b) Phối hợp với cơ quan Kiểm lâm và các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra, xác minh tính hợp pháp của lô hàng gỗ nhập khẩu, xuất khẩu;

c) Tổng cục Hải quan tổng hợp và cung cấp số liệu về xuất khẩu, nhập khẩu gỗ theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ trước ngày 15 tháng 7 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và trước ngày 15 tháng 01 đối với báo cáo 6 tháng cuối năm. Số liệu 6 tháng đầu năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6; số liệu 6 tháng cuối năm tính từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 31 tháng 12.

### 3.3. Ví dụ về hồ sơ gỗ và sản phẩm gỗ hợp pháp

#### 3.3.1. Gỗ khai thác chính từ rừng trồng do nhà nước là đại diện chủ sở hữu

- Bản chính Bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập;

- Hồ sơ khai thác: Phương án khai thác theo Mẫu số 11 của Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

#### 3.3.2. Gỗ khai thác từ rừng trồng thuộc sở hữu tổ chức, cá nhân

- Bản chính bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập theo Mẫu số 1 của Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản

#### 3.3.3. Gỗ nhập khẩu

- Hồ sơ Hải quan theo quy định;

- Bản chính Bảng kê lâm sản do chủ gỗ lập theo Mẫu 01 của NĐ 120/2024 hoặc Mẫu 02 của NĐ 102/2020;

- Một trong các tài liệu sau:

+ Trường hợp gỗ thuộc phụ lục CITES: Bản sao giấy phép CITES xuất khẩu hoặc tái xuất khẩu do cơ quan thẩm quyền CITES nước xuất khẩu cấp; Bản sao giấy phép CITES nhập khẩu do cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp;

+ Trường hợp gỗ có Giấy phép FLEGT: Bản sao Giấy phép FLEGT do quốc gia xuất khẩu cấp.

+ Trường hợp không thuộc 2 đối tượng trên: Bảng kê khai nguồn gốc gỗ nhập khẩu theo mẫu số 3 của NĐ 102/2020.

Trách nhiệm lưu giữ hồ sơ: Trường hợp chủ gỗ xuất trình hồ sơ bằng bản giấy, sau khi thực hiện xong thủ tục hải quan, cơ quan Hải quan sẽ trả lại hồ sơ gỗ nhập khẩu cho chủ gỗ để lưu giữ theo quy định.

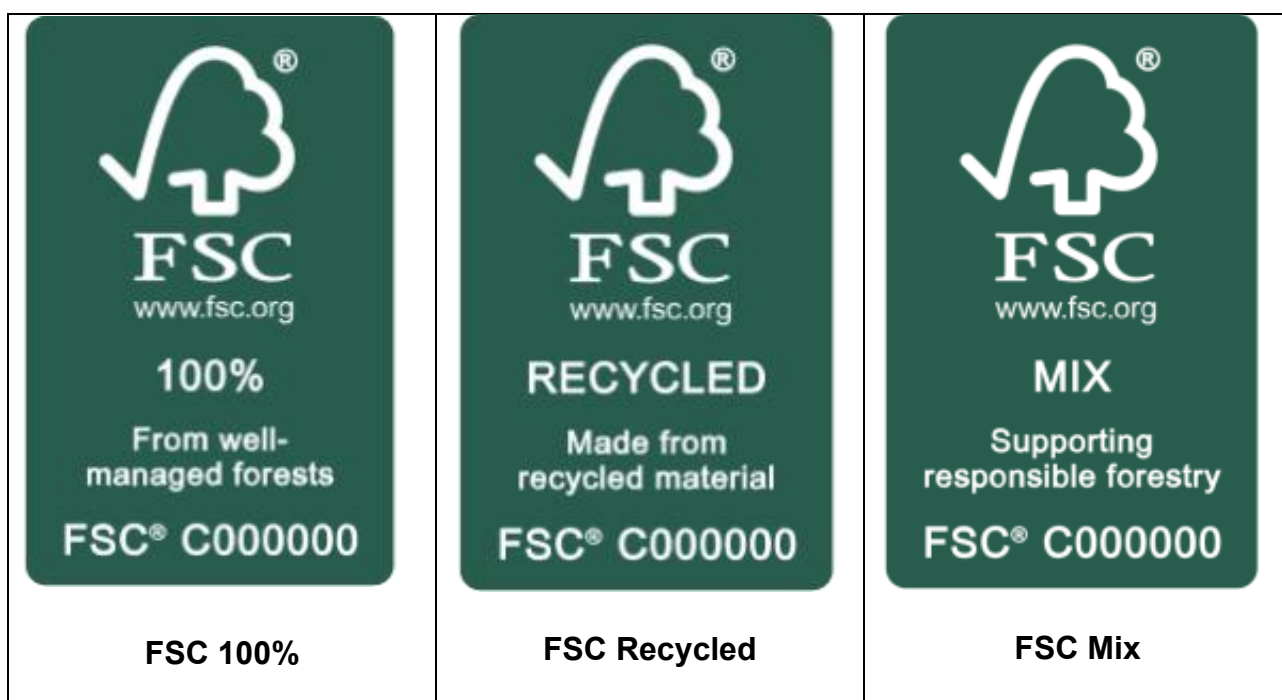
Ngoài ra, chủ gỗ nhập khẩu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp hồ sơ và tính chính xác của thông tin kê khai.

## 4. Yêu cầu đối với việc sử dụng nhãn mác

### 4.1. Yêu cầu đối với việc sử dụng nhãn mác FSC®

Yêu cầu đối với việc sử dụng nhãn FSC® của chủ sở hữu chứng chỉ theo bộ tiêu chuẩn FSC-STD-50-001 V2-1.

Nhãn FSC là nhãn hiệu đáng tin cậy nhất thế giới về lâm nghiệp bền vững. Nhãn FSC là công cụ truyền thông chính để người nắm giữ chứng chỉ FSC chứng minh rằng sản phẩm của họ đáp ứng các tiêu chuẩn do FSC đặt ra. FSC khai báo theo ba loại nhãn sau [Nguồn: 11]:



Hình 5: Khai báo FSC

**FSC 100%:** Tất cả các vật liệu được sử dụng đều đến từ các khu rừng được quản lý có trách nhiệm, được chứng nhận FSC.

**FSC Recycled:** Sản phẩm được làm từ 100% vật liệu tái chế. Sử dụng vật liệu tái chế giúp tận dụng tối đa các nguồn tài nguyên rừng quý giá và giảm áp lực khai thác thêm cây.

**FSC Mix:** Sản phẩm được làm từ hỗn hợp vật liệu từ rừng được chứng nhận FSC, vật liệu tái chế và/hoặc gỗ được FSC kiểm soát. Mặc dù gỗ được kiểm soát không đến từ rừng được chứng nhận FSC, nhưng nó làm giảm nguy cơ vật liệu có nguồn gốc từ các nguồn không được chấp nhận.





Logo FSC được 56 phần trăm người tiêu dùng trên toàn thế giới công nhận, logo FSC là dấu hiệu dễ thấy và được tôn trọng nhất trong quản lý rừng bền vững. Các nhãn hiệu của FSC bao gồm các chữ cái đầu FSC®, tên Forest Stewardship Council®, logo dấu kiểm và cây của FSC và các nhãn hiệu ‘Forests For All Forever’ bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Đức, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Nga. FSC sở hữu các nhãn hiệu đã đăng ký như hình minh họa Hình 6 [Nguồn: 11].

 <p><b>‘Forests For All Forever’</b> – logo có chữ</p>	 <p><b>Biểu tượng FSC®</b></p>	 <p><b>Các chữ viết tắt</b></p>
<p><b>Forest Stewardship Council®</b></p> <p><b>Tên</b></p>	 <p><b>“Forests For All Forever”</b></p>	

**Hình 6. Nhãn hiệu FSC**

*Thiết kế của FSC logo*

- Kích thước tối thiểu: Kích thước tối thiểu của logo FSC (bao gồm khi sử dụng như một phần của bảng quảng cáo) và nhãn 'Forests For All Forever' là 6 mm, đo từ ngọn cây đến gốc chữ 'FSC', như minh họa hình 6a. Kích thước tối thiểu của nhãn đầy đủ 'Forests For All Forever', có hình người và động vật, là chiều cao 10 mm (Hình 7). Logo và nhãn hiệu phải được sao chép ở kích thước đủ lớn để đảm bảo tất cả các yếu tố đều có thể đọc được.

Logo FSC	Bảng quảng cáo	Nhãn 'Forests For All Forever'
		
		

Hình 7. Kích thước tối thiểu của logo FSC

[Nguồn: 4]

- Khoảng trống tối thiểu: Để đủ khoảng trống xung quanh nhãn để đảm bảo nhãn không bị lộn xộn. Khoảng trống tối thiểu được tính bằng cách sử dụng chiều cao của chữ cái viết tắt FSC trong logo, như minh họa Hình 8.



Hình 8. Khoảng trống tối thiểu trong nhãn FSC

[Nguồn: 4]

### Màu của nhãn FSC®

Màu xanh lá cây, đen và trắng là màu nhãn chuẩn của FSC. Màu xanh lá cây là Pantone 626C (như minh họa Hình 9).



**Hình 9. Bốn màu sắc tiêu chuẩn của nhãn FSC®**

[Nguồn: 4]

Nếu không có màu nhãn chuẩn nào được sử dụng trong một mặt hàng in, nhãn có thể được sản xuất bằng cách sử dụng màu có sẵn cung cấp độ tương phản dễ đọc. Nhãn cũng có thể được sử dụng trên nền màu tạo độ tương phản đủ (minh họa Hình 10).



Hình 10. Một số ví dụ về màu sắc của nhãn FSC®

[Nguồn: 11]

Màu sắc của logo và nhãn 'Forests For All Forever'





**Hình 11. Màu sắc của logo và nhãn FSC**

*Xanh lá cây đậm: Pantone 626C, Xanh lá cây nhạt: Pantone 368C*

[Nguồn: 11]

Nhãn FSC có thể sử dụng ở dạng dọc hoặc ngang với các kích thước tối thiểu như Hình 12.



**Hình 12. Yêu cầu về kích thước tối thiểu**

[Nguồn: 11]

## 4.2. Nguyên tắc sử dụng nhãn VFCS và PEFC

### 4.2.1. Nguyên tắc sử dụng nhãn VFCS

Nhãn VFCS và PEFC cung cấp thông tin và khẳng định sản phẩm cung cấp ra thị trường được khai thác từ các khu rừng được quản lý một cách bền vững hoặc được quản lý theo chuỗi hành trình sản phẩm để có thể truy xuất được nguồn gốc, sự minh bạch và tính hợp pháp của nguồn nguyên liệu. Khách hàng có thể nhận biết, tra cứu thông tin và đưa ra quyết định lựa chọn sản phẩm để góp phần bảo vệ môi trường [Nguồn: 10].

Nhãn VFCS và PEFC được sử dụng theo bộ tiêu chuẩn VFCS/PEFC ST 1008:2022.

Nhãn VFCS là thương hiệu có bản quyền, thuộc quyền sở hữu của VFCS được đăng ký và được bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nhãn VFCS chỉ được sử dụng khi có sự đồng ý của VFCS thông qua hợp đồng sử dụng nhãn VFCS. Mỗi tổ chức, cá nhân sau khi ký hợp đồng sử dụng nhãn VFCS sẽ được VFCS cấp một mã số để sử dụng cùng với nhãn VFCS, mã số này là duy nhất.

Phân loại đối tượng sử dụng nhãn VFCS [Nguồn: 7]:

*a) Nhóm B: Các tổ chức được chứng nhận dựa trên tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của VFCS (gọi tắt là Chủ rừng)*

Chủ rừng hoặc chủ rừng liên kết có chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia, cụ thể gồm:

- Chủ rừng liên kết hình thành chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo nhóm (nhóm chủ rừng);

- Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;

- Các đơn vị, cá nhân, tổ chức không phải là chủ rừng nhưng tham gia vào chứng chỉ nhóm (ví dụ: nhà thầu xây dựng, chủ vườn ươm,...).

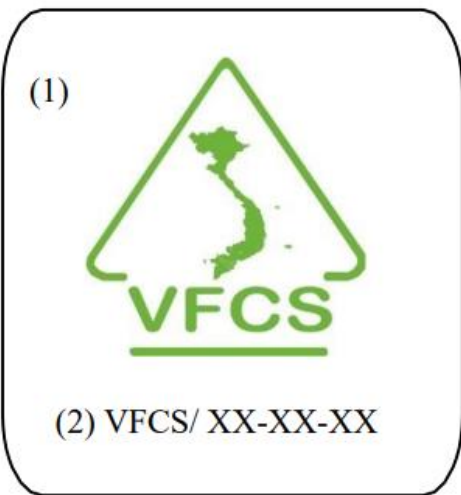
*b) Nhóm C: Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, lâm sản*

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, lâm sản có chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm theo tiêu chuẩn của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

*c) Nhóm D: Tổ chức, cá nhân khác*

Các tổ chức, cá nhân không thuộc nhóm B và C được sử dụng Nhãn VFCS cho mục đích như đào tạo, quảng bá, tuyên truyền về Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

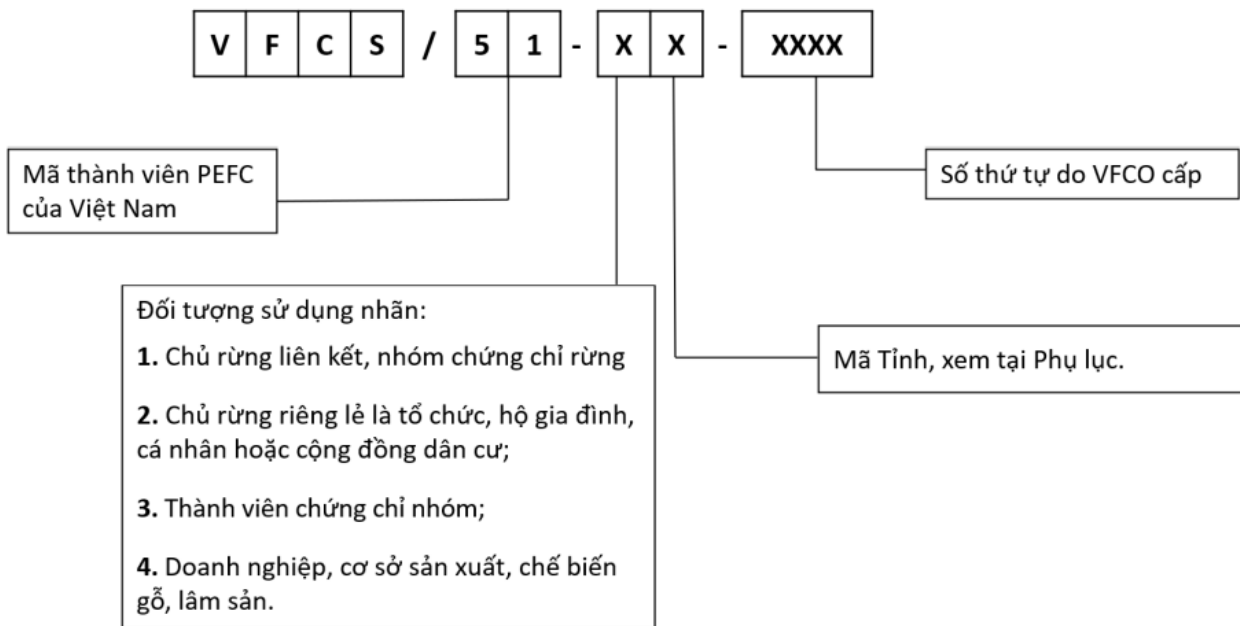
Thông số kỹ thuật của nhãn VFCS như sau: Nhãn VFCS gồm một hình nón và bản đồ Việt Nam cùng với dòng chữ VFCS ở bên dưới. Nhãn VFCS có màu xanh lá cây, được thể hiện theo hình 2D hoặc theo hình 3D. Nhãn VFCS cũng có thể được nhận biết khi được in bằng mực màu đen trên nền trắng. Kích thước nhãn VFCS có tỷ lệ giữa chiều cao và chiều rộng của nhãn VFCS là 1:1. Các nội dung thể hiện trên nhãn VFCS (hình trên) như sau:

	(1) là Nhãn VFCS
	(2) là số đăng ký sử dụng Nhãn VFCS. Số đăng ký sử dụng Nhãn VFCS phải luôn đi theo Nhãn VFCS

**Hình 13. Thông số kỹ thuật của nhãn VFCS**

[Nguồn: 7]

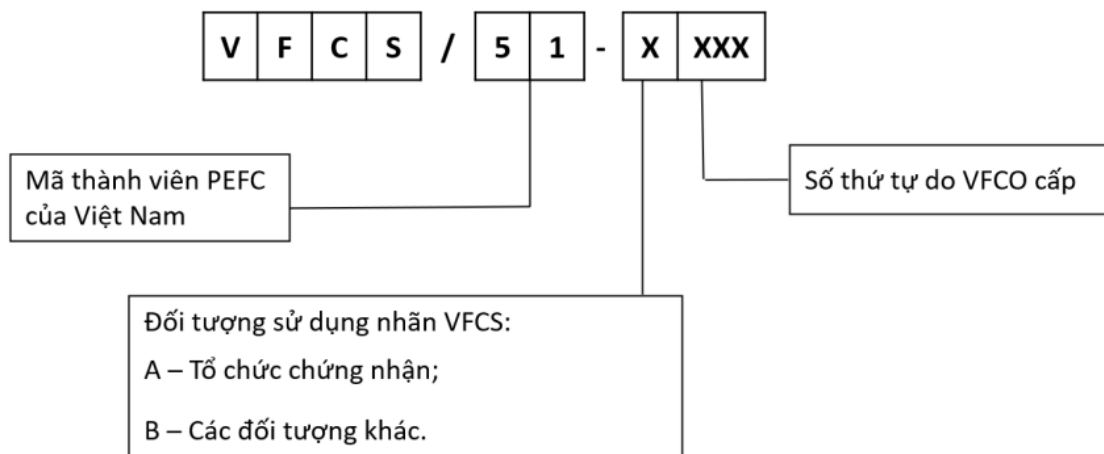
Nguyên tắc mã hóa nhãn VFCS đối với *nhóm B và C*, nhãn VFCS được mã hóa như sau:



**Hình 14. Nguyên tắc mã hóa nhãn VFCS đối với nhóm B và C**

[Nguồn: 7]

Nguyên tắc mã hóa nhãn VFCS đối với *nhóm D*, nhãn VFCS được mã hóa như sau:



**Hình 15. Nguyên tắc mã hóa nhãn VFCS đối với nhóm D**

[Nguồn: 7]

#### 4.2.2. Nguyên tắc sử dụng nhãn PEFC

Nguyên tắc sử dụng nhãn PEFC theo tiêu chuẩn PEFC ST 1008:2022.

Nhãn PEFC và tên viết tắt PEFC là tài liệu có bản quyền và là Nhãn đã đăng ký quốc tế thuộc sở hữu của Hội đồng PEFC. VFCS là tổ chức được PEFC ủy quyền quản lý và cấp phép sử dụng nhãn PEFC trên lãnh thổ Việt Nam.

Nhãn PEFC chỉ được sử dụng khi có sự đồng ý của VFCO thông qua hợp đồng sử dụng nhãn PEFC. Mỗi tổ chức, cá nhân sau khi ký hợp đồng sử dụng nhãn PEFC sẽ được VFCO cấp một mã số để sử dụng cùng với nhãn PEFC, mã số này là duy nhất.

*Mục đích sử dụng nhãn PEFC là:*

- Nhãn PEFC và các khai báo liên quan cung cấp thông tin rằng nguyên liệu từ rừng và cây ngoài rừng có trong sản phẩm được gắn nhãn và/hoặc được khai báo có xuất xứ từ rừng được quản lý bền vững, nguồn tái chế và/hoặc nguồn được kiểm soát.

- Nhãn PEFC cũng cung cấp thông tin rằng tổ chức sản xuất ra sản phẩm được gắn nhãn hoặc khai báo là được chứng nhận, được quản lý tuân thủ một loạt các yêu cầu xã hội và có hệ thống quản lý.

*Đối tượng sử dụng nhãn PEFC như sau:*

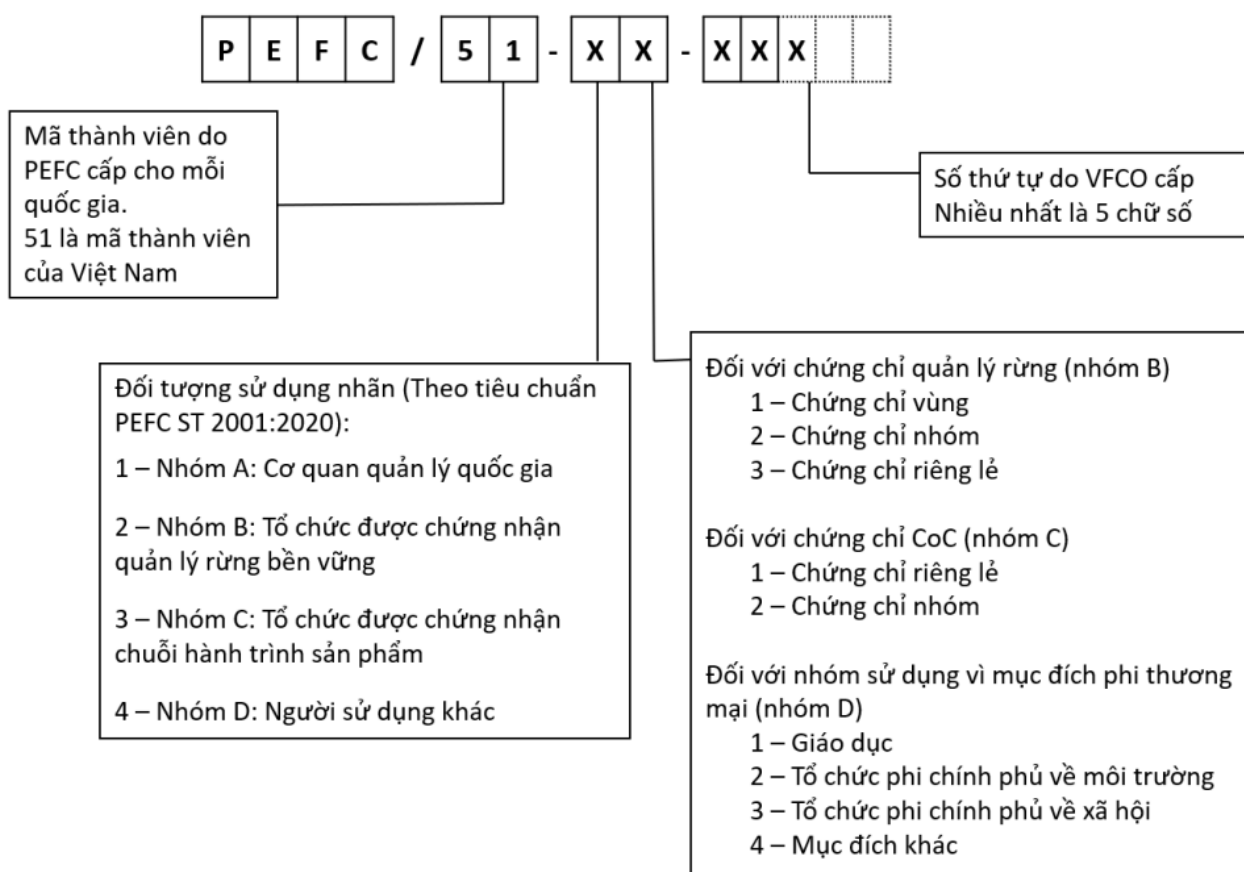
- Nhóm A: Cơ quan quản lý quốc gia và tổ chức được PEFC ủy quyền. Trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam, VFCO là cơ quan quản lý quốc gia duy nhất được PEFC ủy quyền.

- Nhóm B: Các tổ chức được chứng nhận dựa trên tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (SFM) được PEFC chứng thực.

- Nhóm C: Tổ chức được chứng nhận dựa trên tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm quốc tế của PEFC hoặc tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm được chứng thực bởi PEFC.

- Nhóm D: Người sử dụng khác, bao gồm các tổ chức không thuộc nhóm A, B, C.

*Nguyên tắc mã hóa nhãn PEFC như sau:*



**Hình 16. Nguyên tắc mã hóa nhãn PEFC**

[Nguồn: 7]

*Yêu cầu kỹ thuật đối với việc sử dụng nhãn PEFC trên sản phẩm (on-product):*

Nhãn PEFC đề cập tới sản phẩm phải được xác định rõ ràng. Nếu sản phẩm không thể được xác định rõ ràng, thông điệp nhãn hoặc ít nhất tên của sản phẩm phải làm rõ mối liên hệ giữa nhãn và sản phẩm.

Ví dụ: Nếu bút chì chứng nhận PEFC được gói trong bao bì được làm từ nguyên liệu từ rừng không chứng nhận PEFC, thông điệp nhãn PEFC đi kèm với logo trên bao bì làm rõ sản phẩm nào nhãn đề cập đến, thay thế “sản phẩm này” bằng “những chiếc bút chì này” trong thông điệp nhãn.

#### a) Nhãn chứng nhận PEFC

Nhãn chứng nhận PEFC là loại nhãn được sử dụng trên sản phẩm (onproduct).



**Hình 17. Nhãn chứng nhận PEFC**

Nhãn chứng nhận PEFC có thể được sử dụng khi có ít nhất 70% nguyên liệu từ rừng và cây ngoài rừng trong sản phẩm là nguyên liệu chứng nhận PEFC và thấp hơn 100% hàm lượng nguyên liệu tái chế.

Thông điệp nhãn phải đi kèm với nhãn chứng nhận PEFC là “[sản phẩm này] có xuất xứ từ rừng được quản lý bền vững, nguyên liệu tái chế và nguồn kiểm soát” như Hình 17. Từ [sản phẩm này] có thể được thay thế bởi tên của sản phẩm được chứng nhận hoặc nguyên liệu được chứng nhận trong sản phẩm mà nhãn đề cập đến, bằng cách sử dụng công cụ tạo nhãn.

Khi sản phẩm không bao gồm nguyên liệu chứng nhận PEFC từ nguồn tái chế, thông điệp nhãn có thể sử dụng không có từ tái chế (recycled) như Hình 18.



**Hình 18. Nhãn chứng nhận PEFC không có từ tái chế**

Khi sản phẩm chỉ bao gồm nguyên liệu có xuất xứ từ rừng chứng nhận PEFC tức là nguyên liệu được khai báo “100% PEFC nguyên bản” (“100% PEFC origin”) thông điệp nhãn có thể được sử dụng với từ: “[sản phẩm này] có xuất xứ từ rừng được quản lý bền vững” (“[This product] is from sustainably managed forests”) như Hình 19.



**Hình 19. Nhãn chứng nhận 100% PEFC origin**

**b) Nhãn tái chế PEFC**

Nhãn tái chế PEFC sử dụng khi sản phẩm chỉ bao gồm nguyên liệu tái chế. Tên nhãn là “tái chế PEFC” (“PEFC Recycled”) và thông điệp nhãn: “[sản phẩm này] là từ nguồn tái chế” (“[This product] is from recycled sources”) như Hình 20. Từ [sản phẩm này] ([this product]) có thể được thay thế bởi tên của sản phẩm được chứng nhận hoặc tên nguyên liệu được chứng nhận có trong sản phẩm mà nhãn đề cập đến, bằng việc sử dụng công cụ tạo nhãn PEFC.



**Hình 20. Nhãn chứng nhận PEFC Recycled**

### Chữ PEFC

- Chữ PEFC được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm (on-product) khi sản phẩm có tối thiểu 70% nguyên liệu chứng nhận PEFC.

Ví dụ 1: Sản phẩm này đã được sản xuất với gỗ chứng nhận PEFC (PEFC/XX-XXXXX).

Ví dụ 2: Tạp chí này đã được in trên giấy chứng nhận PEFC (PEFC/XX-XXXXX).

- Số giấy phép nhãn PEFC của tổ chức phải luôn được sử dụng với chữ PEFC khi sản phẩm không mang nhãn PEFC với số giấy phép trong cùng một sản phẩm.

Sản phẩm được chứng nhận hoặc vật liệu được chứng nhận có trong sản phẩm mà chữ viết tắt PEFC đề cập đến phải được nhận biết rõ ràng. Khi không rõ tên viết tắt của PEFC đề cập đến sản phẩm nào thì sản phẩm đó sẽ được chỉ định.

*Bất cứ sự sử dụng nào của chữ PEFC trên sản phẩm (on-product) khác với những gì đã được đề cập ở trên phải được PEFC phê chuẩn.*

Ví dụ: sử dụng nhãn PEFC trên sản phẩm có thông báo khác với thông báo được cung cấp trong tiêu chuẩn nhãn PEFC là: Sản phẩm chứng nhận PEFC này có nguồn gốc bền vững từ các khu rừng hạnh phúc.

### Yêu cầu đồ họa của nhãn PEFC



**Hình 21. Yêu cầu đồ họa của nhãn PEFC**

Giải thích nhãn PEFC trong Hình 21 như sau:

A: Logo PEFC	Logo PEFC bao gồm hai cây được bao quanh bởi một mũi tên và chữ PEFC được đặt ở phía dưới.
B: Số giấy phép nhãn PEFC	Để xác định tổ chức sử dụng nhãn PEFC, logo PEFC phải được sử dụng cùng với số giấy phép nhãn PEFC của tổ chức
C: Tên nhãn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhãn truyền tải nghĩa của logo.</li> <li>- Tên chính thức của nhãn PEFC là bằng tiếng Anh. Tên dịch thuật phải được lấy từ quá trình tạo nhãn PEFC.</li> <li>- Tên nhãn PEFC có thể nhiều hơn một ngôn ngữ. Các lựa chọn khác nhau được cung cấp trong quá trình tạo nhãn.</li> </ul>
D: Thông điệp nhãn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông điệp nhãn truyền tải nghĩa của logo.</li> <li>- Thông điệp chính thức của nhãn PEFC là bằng tiếng Anh. Bản dịch thông điệp chính thức của nhãn sang các ngôn ngữ khác phải được lấy từ quá trình tạo nhãn.</li> <li>- Thông điệp nhãn PEFC có thể nhiều hơn một ngôn ngữ. Các lựa chọn khác nhau được cung cấp trong quá trình tạo nhãn.</li> </ul>
E: PEFC website	Website của Hội đồng PEFC có thể được thay thế với website của tổ chức được PEFC ủy quyền.
F: Khung nhãn PEFC	Khi sử dụng khung phải luôn tôn trọng tỷ lệ và kích thước của các yếu tố khác trong nhãn.

Khi một tổ chức muốn sử dụng nhãn PEFC (logo hoặc chữ viết tắt PEFC) theo cách khác với tiêu chuẩn (Ví dụ: có màu khác với xanh lá cây, đen hoặc trắng, ở kích thước khác hoặc một phần của thông báo nhãn không được đề cập trong Phụ lục 1 của PEFC ST 2001), họ có thể yêu cầu sử dụng ngoại lệ từ PEFC. Các yêu cầu phải được thực hiện thông qua tài khoản PEFC Label Generator, trong phần nhãn của trang "Your products".

#### *Màu sắc*

Nhãn PEFC có thể được sử dụng với ba màu sắc: xanh lá cây, đen và trắng và luôn có một màu nền tương phản duy nhất. Màu xanh lá cây được hiểu là Pantone 368 hoặc RGB 128, 186, 39.

Trong những trường hợp đặc biệt khi màu sắc không khớp với lệnh in, có thể cấp phê duyệt đặc biệt. Khi một tổ chức muốn sử dụng nhãn PEFC (logo hoặc chữ viết tắt PEFC) khác với tiêu chuẩn (ví dụ: có màu khác với xanh lá cây, đen hoặc trắng, kích thước khác hoặc là một phần của một thông điệp nhãn không được đề cập trong Phụ lục 1 của PEFC ST 2001), họ có thể yêu cầu sử dụng ngoại lệ từ PEFC. Phải được thực hiện thông qua tài khoản PEFC Label Generator, trong phần nhãn của trang "Your products".

Nhãn PEFC với màu xanh lá cây phải có khung cũng là màu xanh lá cây, tên nhãn, thông điệp và website PEFC là màu đen. Đối với nhãn PEFC màu đen và trắng thì tất cả các yếu tố phải xuất hiện cùng màu. Tên nhãn đối với cả ba loại nhãn phải được viết đậm như minh họa Hình 22.



**Hình 22. Màu sắc nhãn PEFC**

Nhãn PEFC có thể được sử dụng hướng ngang (landscape) hoặc dọc (portrait) như minh họa Hình 23.



Nhãn dọc



Nhãn ngang

**Hình 23. Nhãn PEFC hướng ngang (landscape) hoặc dọc (portrait)**

*Kích thước nhãn PEFC*

Tỷ lệ giữa chiều cao và chiều rộng phải luôn luôn được duy trì. Tỷ lệ giữa các yếu tố khác nhau của nhãn PEFC cũng phải được tôn trọng. Kích thước tối thiểu của nhãn PEFC như sau:



**Hình 24. Kích thước tối thiểu của nhãn PEFC**

Phải có khoảng trống rõ ràng bao quanh nhãn PEFC nhằm đảm bảo duy trì gọn gàng và có thể dễ dàng nhận ra. Khoảng trống tối thiểu phải tương đương với chiều cao của chữ “P” của logo PEFC được sử dụng trong nhãn như hình minh họa 25.

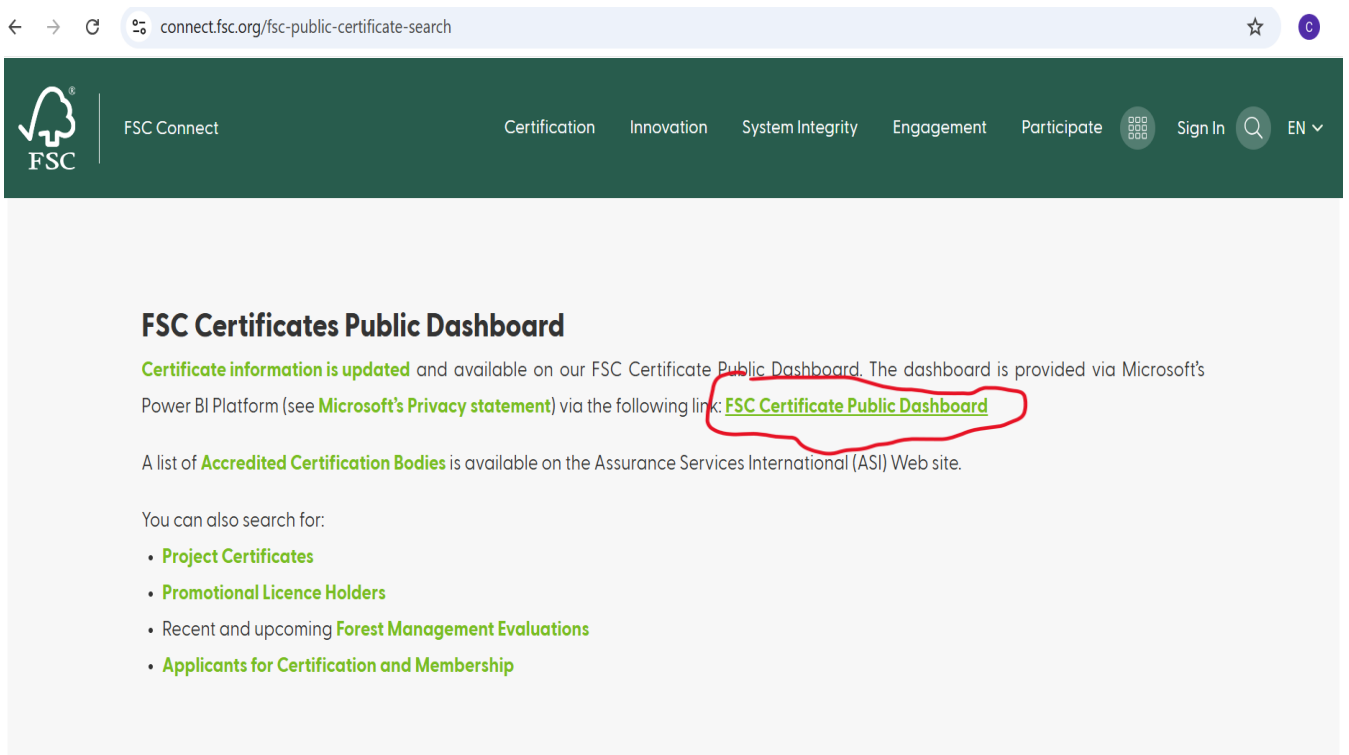


Hình 25. Khoảng trống rõ ràng bao quanh nhãn PEFC

## 5. Nguồn thông tin sẵn có, miễn phí để hỗ trợ các bên liên quan về nguồn gốc gỗ

### 5.1. Trang website của Hội đồng quản trị rừng (FSC)

Để truy cập, người dùng gõ địa chỉ trang web: <https://connect.fsc.org/fsc-public-certificate-search>. Trang web sẽ hiển thị trang chính như Hình 26.



## Hình 26. Địa chỉ trang web tra cứu chứng chỉ rừng FSC

Để lựa chọn công ty có chứng chỉ, người dùng thực hiện các bước như sau:

1. Click vào dòng chữ FSC Certificate Public Dashboard (Như minh họa ở Hình 26).
2. Sử dụng mã chứng chỉ, tên tổ chức, hoặc quốc gia để tìm kiếm thông tin về chứng chỉ. Ví dụ, click vào mục tra cứu theo mã số chứng chỉ (Như minh họa ở Hình 27).

License	Certificate Code	Cert Status	CW DDS	Date From	Valid To	Organization Name	Role	Site	State/Province	Country/Area
FSC-C132544	PBN-COC-026307	Valid	No	2025-12-27	2026-10-13	Corrie MacColl Europe BV	Certificate holder	Valid		Netherlands
FSC-C174169	OAP-COC-000010	Valid	No	2025-12-26	2027-03-15	Takt Sp. z o.o.	Certificate holder	Valid		Poland
FSC-C184276	SAI-COC-009475	Valid	No	2025-10-27	2027-11-13	Guangdong Jieqiang Environmental Protection Packaging Technology Co., Ltd	Certificate holder	Valid	Guangdong	China
FSC-C209371	BMC-COC-010156	Valid	No	2025-10-10	2030-10-09	Graffsystem Adam Chmielarczyk	Certificate holder	Valid		Poland
FSC-C209371	BMC-COC-010156	Valid	No	2025-10-10	2030-10-09	Graffsystem Adam Chmielarczyk	Site	Valid		Poland
FSC-C210074	CU-COC-900503	Valid	No	2025-10-09	2030-01-08	V8 Environmental Pte Ltd	Certificate holder	Valid		Singapore
FSC-C101735	DNV-COC-000309	Valid	No	2025-09-09	2030-09-08	Kuan Yuan Paper Mfg., Co., Ltd	Certificate holder	Valid	Miaoli County	Taiwan (Province of China)
FSC-C158832	BV-COC-158832	Valid	No	2025-08-17	2030-08-16	BELENUS FURNITURE S.R.O.	Certificate holder	Valid		Czechia
FSC-C158832	BV-COC-158832	Valid	No	2025-08-17	2030-08-16	BELENUS FURNITURE S.R.O.	Site	Valid		Czechia
FSC-C158832	BV-COC-158832	Valid	No	2025-08-17	2030-08-16	BELENUS LIMITED	Site	Valid		China
FSC-C081767	SGSCH-COC-190048	Valid	No	2025-07-31	2030-07-30	PRERADA I OBRADA DRVA ĐAKOVIĆ, vi. Mirela Đaković	Certificate holder	Valid	Garčin	Croatia
FSC-C125062	SGSCH-COC-190047	Valid	No	2025-07-28	2030-07-27	A.RUBINIJA ĐAKOVIĆ d.o.o.	Certificate holder	Valid		Croatia
FSC-C158272	SGSHK-COC-350456	Valid	No	2025-07-16	2030-07-15	KOGEISHA Co., Ltd.	Certificate holder	Valid	Tokyo	Japan
FSC-C100115	SGSHK-COC-007854	Valid	No	2025-07-14	2030-07-13	HO-I Paper Trade Co., Ltd.	Certificate holder	Valid	New Taipei City	Taiwan (Province of China)
FSC-C157741	SGSHK-COC-350449	Valid	No	2025-07-07	2030-07-06	MATEX INC.	Certificate holder	Valid	Hyogo	Japan
FSC-C095272	SKH-COC-000458	Valid	No	2025-06-27	2030-06-27	Muller XXL Printing B.V.	Site	Valid		Netherlands
FSC-C095272	SKH-COC-000458	Valid	No	2025-06-27	2030-06-27	VOB B.V.	Certificate holder	Valid		Netherlands
FSC-C131331	SGSHK-COC-350049	Valid	No	2025-06-19	2030-06-18	First Factory	Site	Valid	Tokushima	Japan
FSC-C131331	SGSHK-COC-350049	Valid	No	2025-06-19	2030-06-18	Fukuoka Branch	Site	Valid	Fukuoka	Japan

## Hình 27. Tra cứu thông tin chứng chỉ FSC bằng mã số chứng chỉ

3. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC FM còn hiệu lực được hiển thị như hình

## Certificate Detail



Certificate Code GFA-FM/COC-008106  
Former Certificate Code  
Licence Code FSC-C210927

2025-04-01 14:33:27

Data last updated

### MAIN ADDRESS

Name Sustainable Forest Cooperative (Representing for Smallholder Group in Phu Tho)  
Province  
Local Name  
Address Block B9, Thuy Van Industrial Zone, Thuy Van commune  
Viet Tri City, Phu Tho Province  
Viet Nam  
Website

### CERTIFICATE DATA

Status Valid  
First Issue Date 2025-03-19  
Last Issue Date 2025-03-19  
Expiry Date 2030-03-18  
Suspension Date  
Standard  
Certified Area (ha) 3,010.03

### GROUP MEMBER/SITES

### PRODUCTS

Product	Trade Name	Species	Primary Act...	Secondary...	Main Output C...
W1 Rough wood W1.1 Roundwood (logs)		Acacia hybrid (A. mangium x A. auriculiformis), Acacia mangium Willd., Eucalyptus urophylla, Styra tonkinensis (Pierre) Craib. ex Hartwich	Logging		FSC 100%
W1 Rough wood W1.2 Fuel wood		Acacia hybrid (A. mangium x A. auriculiformis), Acacia mangium Willd., Eucalyptus urophylla, Styra tonkinensis (Pierre) Craib. ex Hartwich	Logging		FSC 100%
W1 Rough wood W1.3 Twigs		Acacia mangium Willd., Eucalyptus urophylla, Styra tonkinensis (Pierre) Craib. ex Hartwich	Logging		FSC 100%

### Hình 28. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC FM còn hiệu lực

Các thông tin nhận được từ Hình 28 như sau:

- Tên tổ chức được cấp chứng chỉ: Hợp tác xã lâm nghiệp bền vững (đại diện cho nhóm hộ ở Phú Thọ)
- Phạm vi và tiêu chuẩn áp dụng (FM/CoC).
- Ngày cấp/ngày hết hạn: 19-03-2025/18-03-2030
- Tổ chức chứng nhận (Certification Body - CB): GFA
- Tình trạng hiệu lực (Valid/Suspended/Terminated): Còn hiệu lực (valid)


4. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC FM đã bị “treo” (không hợp lệ tạm thời) được hiển thị như hình

## Certificate Detail

Certificate Code: GFA-FM/COC-007319

Former Certificate Code: FSC-C191244

Licence Code: FSC-C191244



2025-04-02 02:33:48

Data last updated

### MAIN ADDRESS

Name: BINH PHUOC BRANCH - HOA PHAT FORESTRY JOINT STOCK COMPANY  
 [Representing for Household Groups at Hon Quan District, Binh Phuoc Province]

Local Name:

Address: No. 101, My Hung Hamlet, Thanh Tam ward  
 Chon Thanh Town, Binh Phuoc Province  
 Viet Nam

Website: <http://hoaphatfsc.vn/>

### CERTIFICATE DATA

Status: **Suspended**

First Issue Date: ~~2023-10-18~~

Last Issue Date: 2023-10-18

Expiry Date: 2028-10-17

Suspension Date: 2024-09-11

~~Standard:~~

Certified Area (ha): 2,219.51

### GROUP MEMBER/SITES

**Hình 29. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC FM bị “treo”**

5. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC FM đã bị thu hồi được hiển thị như hình

## Certificate Detail

Certificate Code: GFA-FM/COC-003129

Former Certificate Code: FSC-C138066

Licence Code: FSC-C138066



2025-04-02 02:33:48

Data last updated

### MAIN ADDRESS

Name: PHU THINH FORESTRY COMPANY LIMITED [Representing for Smallholder Group in  
 Chiem Hoa District, Tuyen Quang Province]

Local Name:

Address: No. 04, Lane 199, Binh Thuan Street, Hung Thanh Ward  
 Tuyen Quang City Tuyen Quang Province  
 Viet Nam

Website:

### CERTIFICATE DATA

Status: **Terminated**

First Issue Date: 2018-05-02

Termination Date: 2025-03-14

Expiry Date:


Suspension Date:

Standard:


Certified Area (ha): 2,325.06

**Hình 30. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC FM bị thu hồi**

6. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC COC còn hiệu lực được hiển thị như Hình 31.



## Certificate Detail



Certificate Code: BV-COC-156182 BV-CW-156182

Former Certificate Code: BV-COC-156182

Licence Code: FSC-C156182

2025-04-02 14:33:11  
Data last updated

### MAIN ADDRESS

Name: BISON MDF WOODEN TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY  
 Local Name: MDF BISON CO.  
 Address: The Fork of National Road 14 and 14C, Tuan Hanh Commune, Dak Song District 65000  
 Dak Nong PROVINCE  
 Viet Nam  
 Website: <https://bisonwoodpanel.com/>

### CERTIFICATE DATA

Status: Valid  
 First Issue Date: 2020-04-28  
 Last Issue Date: 2025-04-28  
 Expiry Date: 2030-04-27  
 Suspension Date:  
 Standard: FSC-STD-40-004 V3-1  
 Certified Area (ha): 0.00

### PRODUCTS

Product	Trade Name	Species	Primary Act...	Secondary...	Main Output C...
W8 Wood panels W8.3 Fibreboard W8.3.1 High-density fibreboard (HDF)	HDF	Acacia Hybrid, Acacia mangium, Acacia spp., Eucalyptus urophylla, Hevea brasiliensis, Pinus spp.	Primary Processor		FSC 100%
W8 Wood panels W8.3 Fibreboard W8.3.1 High-density fibreboard (HDF)	HDF	Acacia Hybrid, Acacia mangium, Acacia spp., Eucalyptus urophylla, Hevea brasiliensis, Pinus spp.	Primary Processor		FSC Controlled Wood
W8 Wood panels W8.3 Fibreboard W8.3.1 High-density fibreboard (HDF)	HDF	Acacia Hybrid, Acacia mangium, Acacia spp., Eucalyptus urophylla, Hevea brasiliensis, Pinus spp.	Primary Processor		FSC Mix
W8 Wood panels W8.3 Fibreboard W8.3.2 Medium-density fibreboard (MDF)	MDF	Acacia Hybrid, Acacia mangium, Acacia spp., Eucalyptus urophylla, Hevea brasiliensis, Pinus spp.	Primary Processor		FSC 100%
W8 Wood panels W8.3 Fibreboard	MDF	Acacia Hybrid, Acacia mangium, Acacia spp., Eucalyptus urophylla, Hevea brasiliensis, Pinus spp.	Primary Processor		FSC Controlled Wood

**Hình 31. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ FSC COC còn hiệu lực**

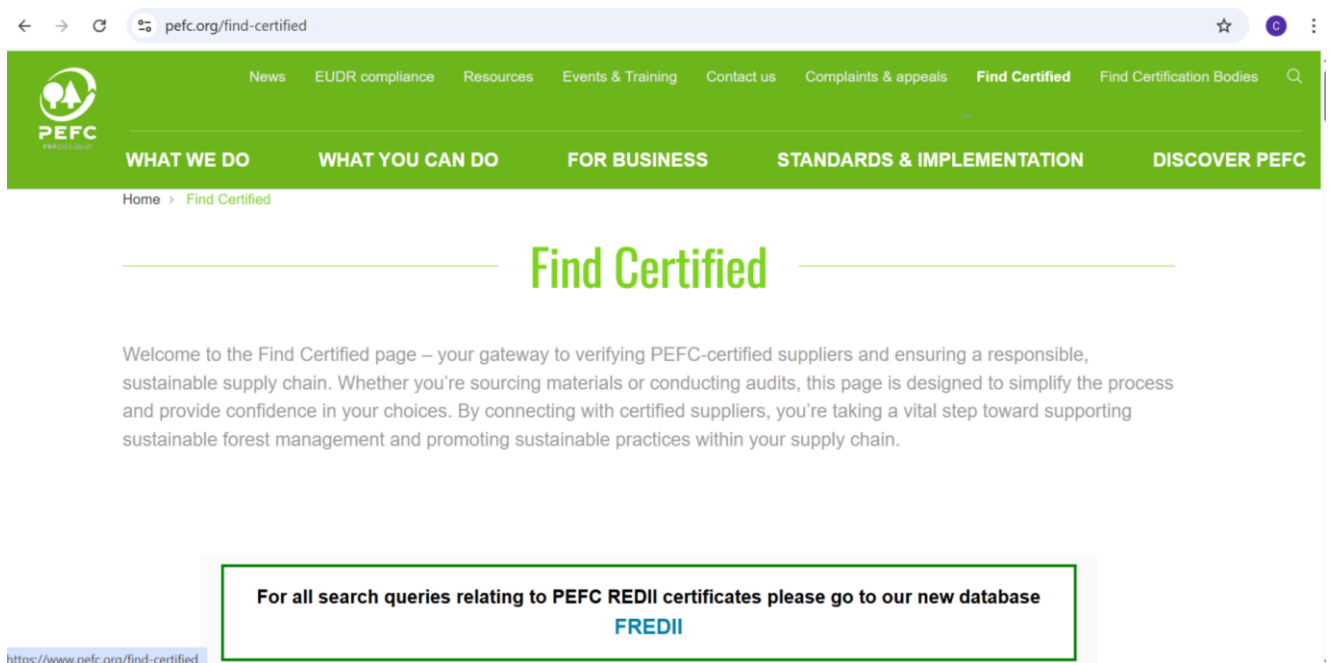
Các thông tin nhận được từ Hình 31 như sau:

- Tên tổ chức được cấp chứng chỉ: BISON MDF Wooden Technology Joint Stock Company
- Phạm vi và tiêu chuẩn áp dụng (FM-STD-40-004 V3).
- Ngày cấp/ngày hết hạn: 28-04-2020/28-04-2025
- Tổ chức chứng nhận (Certification Body - CB): BV
- Tình trạng hiệu lực (Valid/Suspended/Terminated): Còn hiệu lực (valid)

## 5.2. Trang website của Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC)

Để truy cập, người dùng gõ địa chỉ trang web: <https://www.pefc.org/find-certified>.

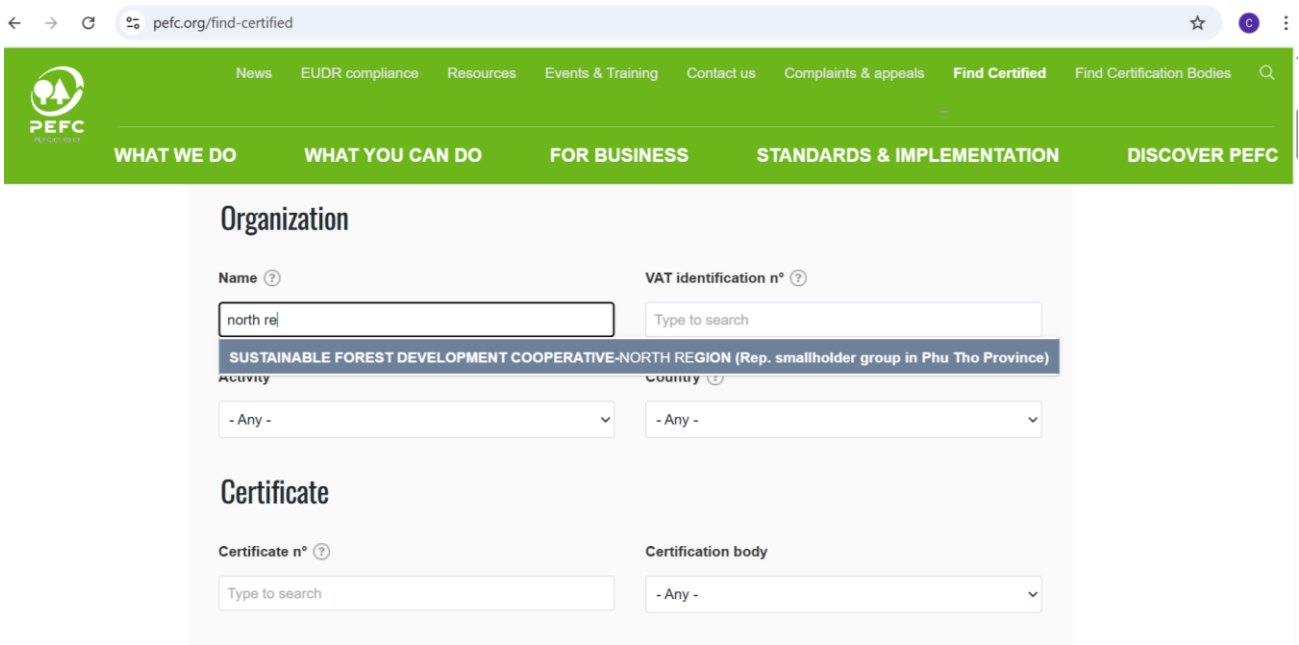
Trang web sẽ hiển thị trang chính như Hình 32.



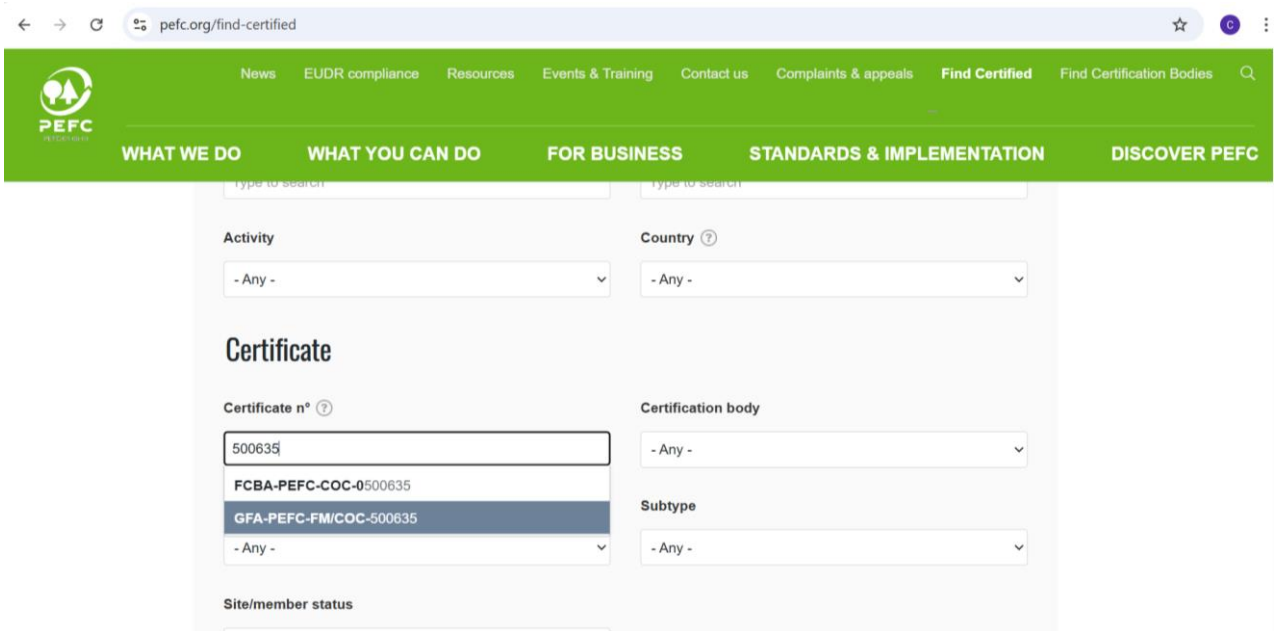
**Hình 32. Địa chỉ trang web tra cứu chứng chỉ rừng PEFC**

Để lựa chọn thông tin công ty có chứng chỉ, người dùng thực hiện các bước như sau:

- Chọn tên chủ sở hữu chứng chỉ (Như minh họa ở Hình 33), hoặc
- Sử dụng mã chứng chỉ, tên tổ chức, hoặc quốc gia để tìm kiếm thông tin về chứng chỉ. Ví dụ, chọn theo mã số chứng chỉ (Như minh họa ở Hình 34).



**Hình 33. Tra cứu thông tin chứng chỉ PEFC bằng tên của công ty/nhóm**



**Hình 34. Tra cứu thông tin chứng chỉ PEFC bằng mã số chứng chỉ**

Tiếp theo sẽ click vào biểu tượng  để lấy thông tin chi tiết

1. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC FM còn hiệu lực được hiển thị như Hình 35.

pefc.org/find-certified/details?cbResetParam=1&CID=C-7776ST&LID=&EID=E-8A5XWG

News EUDR compliance Resources Events & Training Contact us Complaints & appeals Find Certified Find Certification Bodies

WHAT WE DO WHAT YOU CAN DO FOR BUSINESS STANDARDS & IMPLEMENTATION DISCOVER PEFC

**Important Certification Update!**

SUSTAINABLE FOREST DEVELOPMENT COOPERATIVE-NORTH REGION (Rep. smallholder group in Phu Tho Province)

Soc Dang Commune, Doan Hung District  
35000 Phu Tho Province  
Vietnam  
VAT n°:  
Phone: +84911207281  
Email: zoe@uniexport.vn  
Website:

pefc.org/find-certified/details?cbResetParam=1&CID=C-7776ST&LID=&EID=E-8A5XWG

News EUDR compliance Resources Events & Training Contact us Complaints & appeals Find Certified Find Certification Bodies

WHAT WE DO WHAT YOU CAN DO FOR BUSINESS STANDARDS & IMPLEMENTATION DISCOVER PEFC

Phone: +84911207281  
Email: zoe@uniexport.vn  
Website:

### Certificate

Type of certification	Forest Management (FM) - Group
Certificate number	<u>GFA-PEFC-FM/COC-500635</u>
Old certificate number	
Sub certificate number	
Certification standard	Vietnam Forest Certification Scheme, 2020
Number of active members/sites	1
Certificate status	Valid
Site/member status	Valid
End of validity	12.02.2030
Scope	Forest management and trade of Acacia hybrid, Acacia mangium

pefc.org/find-certified/details?cbResetParam=1&CID=C-7776ST&LID=&EID=E-8A5XWG

News EUDR compliance Resources Events & Training Contact us Complaints & appeals Find Certified Find Certification Bodies

WHAT WE DO WHAT YOU CAN DO FOR BUSINESS STANDARDS & IMPLEMENTATION DISCOVER PEFC

### Certification timeline

Date	Event	Status	From	To
12.02.2030	Expiry	Expired	12.02.2030	→
▶ 13.02.2025	Initial issuance	Valid	13.02.2025	→ 12.02.2030

Records 1-2 of 2

**Hình 35. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC FM còn hiệu lực**

Các thông tin nhận được từ Hình 35 như sau:

- Tên tổ chức được cấp chứng chỉ: Hợp tác xã phát triển lâm nghiệp bền vững phía Bắc (đại diện cho nhóm hộ tỉnh Phú Thọ)
- Loại chứng chỉ: Forest management (FM)
- Ngày cấp/ngày hết hạn: 13-02-2025/12-02-2030
- Tổ chức chứng nhận (Certification Body - CB): GFA
- Tình trạng hiệu lực (Valid/Suspended/Terminated): Còn hiệu lực (valid)

2. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC FM đã bị “treo” (không hợp lệ tạm thời) được hiển thị như hình 36.

The screenshot shows the PEFC website interface. The top navigation bar includes links for News, EUDR compliance, Resources, Events & Training, Contact us, Complaints & appeals, Find Certified, and Find Certification Bodies. Below this is a green header with the PEFC logo and navigation tabs: WHAT WE DO, WHAT YOU CAN DO, FOR BUSINESS, STANDARDS & IMPLEMENTATION, and DISCOVER PEFC. The main content area displays contact information (VAT n°, Phone: +84987362238, Email: thuongnt@hoaphatforestry.com, Website) and a 'Certificate' section. The certificate details are as follows:

Type of certification	Forest Management (FM) - Group
Certificate number	GFA-FM/COC-500557
Old certificate number	
Sub certificate number	
Certification standard	Vietnam Forest Certification Scheme, 2020
Number of active members/sites	0
Certificate status	Suspended
Site/member status	Suspended
End of validity	23.11.2027
Scope	Forest management (2853.53 ha) and trade of Hevea brasiliensis (Rubber)

**Hình 36. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC FM bị “treo”**

3. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC FM đã bị thu hồi được hiển thị như Hình 37.

Vietnam  
**VAT n°:**  
**Phone:** +84964999138  
**Email:** khoand@nhathung.vn  
**Website:**

### Certificate

Type of certification	Forest Management (FM) - Group
Certificate number	GFA-PEFC-FM/COC-500547
Old certificate number	GFA-FM/COC-500547
Sub certificate number	
Certification standard	Vietnam Forest Certification Scheme, 2020
Number of active members/sites	0
Certificate status	Terminated (voluntary cancellation)
Site/member status	Terminated (voluntary cancellation)
End of validity	20.05.2024
Scope	Forest management and trade of Roundwood: 010000; Fuelwood: 020000; Twigs: 010400

**Hình 37. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC FM bị thu hồi**

4. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC COC còn hiệu lực được hiển thị như Hình 38.

## MEKONG FURNITURE CO., LTD - FACTORY 2

Factory 2: Lots J1, J2, J19 and J20, Street N3, N4 and D2, Expanded South Tan Uyen Industrial zone, Hoi Nghia Commune, Tan Uyen Town 75000 Binh Duong Province  
 Vietnam  
**VAT n°:**  
**Phone:**  
**Email:**  
**Website:**

### Certificate

Type of certification	Chain of Custody (CoC) - Multi site
Certificate number	SGSCH-PEFC-COC-001677
Old certificate number	VN16/1677
Sub certificate number	
Certification standard	PEFC International - Chain of custody certification system, 2020
Number of active members/sites	3
Certificate status	Valid
Site/member status	Valid
End of validity	09.10.2028
Scope	Purchasing of PEFC certified (100% PEFC or xx % PEFC) and Controlled sources sawn timber, veneer sheets, plywood, particle board, manufacturing and sales of PEFC certified (100%PEFC or xx%PEFC material) indoor and outdoor furniture using physical separation method and percentage method

## Certification timeline

Date ▼	Event	Status	From	To
09.10.2028	Expiry	Expired	09.10.2028	→
▶ 10.10.2023	Re-issuance	Valid	10.10.2023	→ 09.10.2028
09.10.2023	Expiry	Expired	09.10.2023	→ 10.10.2023
10.10.2018	Re-issuance	Valid	10.10.2018	→ 09.10.2023

### Hình 38. Thông tin chi tiết cho chứng chỉ PEFC COC còn hiệu lực

Các thông tin nhận được từ Hình 38 như sau:

- Tên tổ chức được cấp chứng chỉ: MEKONG FURNITURE CO., LTD – FACTORY 2
- Loại chứng chỉ: Chain of Custody (CoC)
- Ngày cấp/ngày hết hạn: 10-10-2023/09-10-2028
- Tổ chức chứng nhận (Certification Body - CB): BV
- Tình trạng hiệu lực (Valid/Suspended/Terminated): Còn hiệu lực (valid)

## 6. Bài tập

### 6.1. Truy xuất chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) trên hồ sơ gỗ

#### **Bài tập 1: Truy xuất thông tin FSC CoC từ hồ sơ gỗ nhập khẩu**

**Mục tiêu:** Xác định tính hợp lệ của chứng nhận FSC CoC dựa trên các tài liệu đính kèm.

**Tình huống:**

Bạn nhận được một lô gỗ nhập khẩu từ công ty X (có chứng nhận FSC CoC), kèm theo các tài liệu sau:

1. **Hóa đơn thương mại** (Commercial Invoice).
2. **Bảng kê lâm sản** (Packing List).
3. **Chứng nhận FSC CoC** của công ty X (file PDF hoặc bản scan).
4. **Mã số FSC** trên sản phẩm (nếu có).

**Yêu cầu:**

1. Kiểm tra tính hợp lệ của chứng nhận FSC CoC.
2. Truy xuất chuỗi hành trình sản phẩm từ khai thác đến nhập khẩu.

3. Xác minh thông tin trên hóa đơn và phiếu đóng gói có khớp với chứng nhận FSC không.

## **Bài tập 2: Bài tập về truy xuất thông tin FSC CoC từ hồ sơ gỗ xuất khẩu**

### **Tình huống:**

Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Gỗ Việt Nam nhận được đơn hàng xuất khẩu 100m<sup>3</sup> gỗ Keo xẻ sang thị trường Châu Âu. Đối tác yêu cầu sản phẩm phải có chứng nhận FSC CoC (FSC Chain of Custody) để đảm bảo nguồn gốc hợp pháp và bền vững của gỗ.

Nhân viên xuất khẩu của công ty cần kiểm tra thông tin FSC CoC trong hồ sơ lô hàng để đảm bảo tuân thủ yêu cầu trước khi xuất khẩu. Hồ sơ lô hàng bao gồm các tài liệu sau:

- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)
- Bảng kê lâm sản (Packing List)
- Chứng nhận FSC CoC (FSC Certificate)
- Tờ khai hải quan (Customs Declaration)

Nhân viên cần xác minh các thông tin sau:

- Mã chứng nhận FSC của nhà cung cấp có hợp lệ không?
- Loại chứng nhận FSC (FSC 100%, FSC Mix, hay FSC Controlled Wood)?
- Khối lượng gỗ có phù hợp với chứng nhận FSC không?
- Có sự khớp nối giữa chứng từ và chứng nhận FSC không?

**Câu hỏi 1:** Nhân viên xuất khẩu cần kiểm tra thông tin nào trên chứng nhận FSC CoC để đảm bảo tính hợp lệ?

**Câu hỏi 2:** Làm thế nào để kiểm tra tính hợp lệ của chứng nhận FSC CoC của nhà cung cấp?

## **6.2. Xác minh hiệu lực chứng chỉ FSC và VFCS/PEFC trên website**

### **Bài tập 1:**

#### **Tình huống:**

Công ty A xuất khẩu lô gỗ xẻ sang thị trường EU với chứng nhận **PEFC FM** (Forest Management). Khi kiểm tra hồ sơ, cơ quan hải quan yêu cầu cung cấp bằng chứng về nguồn gốc bền vững của gỗ.

Hồ sơ gỗ xuất khẩu bao gồm:

1. Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice)
2. Bảng kê lâm sản (Packing List)
3. Chứng nhận PEFC FM (số hiệu GFA-PEFC-FM/CoC-XXXXXX)

**Yêu cầu:**

- Truy xuất thông tin PEFC FM từ hồ sơ để xác minh tính hợp lệ.
- Giải thích cách kiểm tra tính xác thực của chứng nhận.

**Bài tập 2:** Hãy xác minh hiệu lực chứng chỉ của các chứng chỉ sau:

1. GFA-PEFC-FM/COC-500547
2. GFA-PEFC-FM/COC-500597
3. GFA-FM/COC-007818
4. BV-COC-213599

### 6.3. Game/Quizz nhận diện logo các hệ thống chứng chỉ

**Câu 1:** Nếu một lô hàng gỗ có hóa đơn ghi FSC Mix nhưng phiếu đóng gói không dán nhãn FSC, điều này có vi phạm FSC CoC không?

**Câu 2:** Làm thế nào để truy xuất nguồn gốc nếu mã FSC trên database hiển thị "đã hết hạn"?

**Câu 3:** Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Gỗ Việt Nam nhận được đơn hàng xuất khẩu 100m<sup>3</sup> gỗ keo xẻ sang thị trường Châu Âu. Trong bảng kê lâm sản có ghi 100m<sup>3</sup> gỗ Keo xẻ với nhãn "FSC 100%". Tuy nhiên, trong chứng nhận FSC của nhà cung cấp, danh mục sản phẩm chỉ bao gồm "FSC Mix". Lô hàng này có đáp ứng yêu cầu FSC 100% không?

**Câu 4:** Nhận diện logo nào có cụm từ "Programme for the Endorsement of Forest Certification"?

- A. FSC
- B. PEFC
- C. Cả hai

**Câu 5:** Logo nào có biểu tượng hai cây tạo thành vòng tròn?

- A. FSC

B. PEFC

C. Không có logo nào như vậy

**Câu 6:** Chứng chỉ nào thường được in kèm mã số truy xuất nguồn gốc trên sản phẩm?

A. Chỉ FSC

B. Chỉ PEFC

C. Cả hai

**Câu 7:** FSC có bao nhiêu loại nhãn chứng nhận chính?

A. 2 loại

B. 3 loại

C. 4 loại

D. 5 loại

**Câu 8:** Nhãn FSC 100% có nghĩa là gì?

A. Sản phẩm được làm hoàn toàn từ gỗ tái chế

B. Sản phẩm được làm hoàn toàn từ nguyên liệu rừng được quản lý bền vững

C. Sản phẩm có một phần nguyên liệu tái chế

D. Sản phẩm không có nguyên liệu từ rừng

**Câu 9:** Nhãn 100% PEFC Certified có nghĩa là gì?

A. Sản phẩm được làm từ 100% nguyên liệu có chứng nhận PEFC

B. Một phần nguyên liệu trong sản phẩm có nguồn gốc từ rừng được chứng nhận PEFC

C. Sản phẩm làm từ nguyên liệu tái chế không có kiểm soát

D. Sản phẩm không có liên quan đến rừng

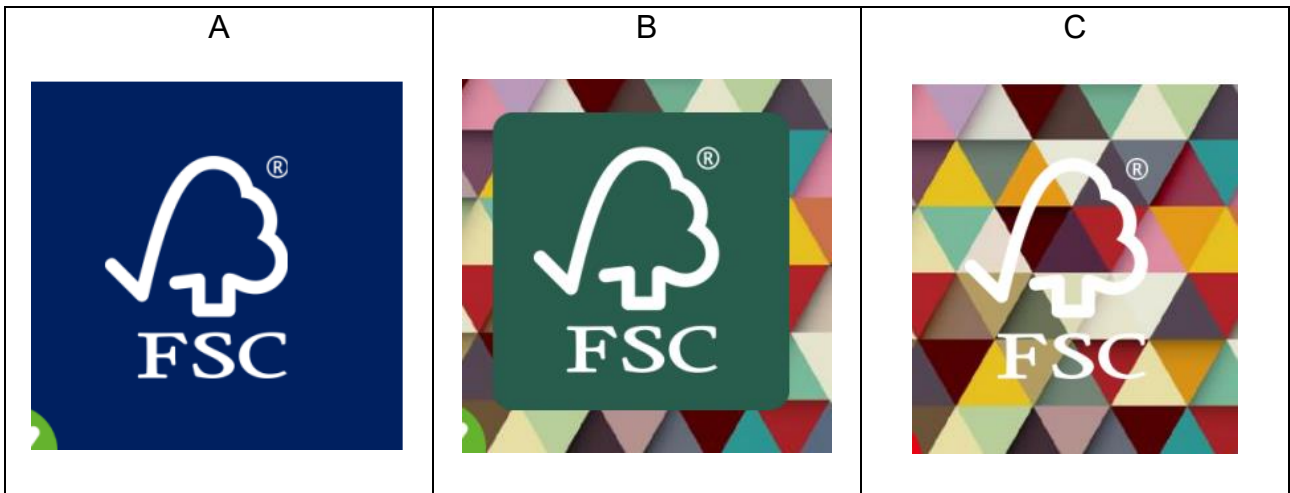
**Câu 9:** Nhãn FSC Mix trên sản phẩm nghĩa là gì?

A. Gỗ trong sản phẩm đến từ nhiều nguồn (FSC-certified, recycled, hoặc controlled wood)

B. Sản phẩm chỉ chứa gỗ nguyên sinh

C. Sản phẩm không được kiểm soát nguồn gốc

**Câu 10:** Logo nào đúng theo quy định?



## 7. Phụ lục

### Mẫu số 01

.....  
 .....  
 -----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số<sup>(1)</sup>: ..... /BKGNK

Tờ số<sup>(2)</sup>: ..... Tổng số tờ: .....

### BẢNG KÊ GỖ NHẬP KHẨU

#### A. THÔNG TIN CHUNG VỀ LÔ HÀNG

1. Tên chủ gỗ nhập khẩu<sup>(3)</sup>:.....MST/MSDN/CMND/CCCD<sup>(4)</sup>:.....
2. Địa chỉ<sup>(5)</sup>:.....
3. Số điện thoại:.....; Địa chỉ E-mail:.....
4. Tên chủ gỗ xuất khẩu<sup>(3)</sup>:.....
5. Địa chỉ<sup>(5)</sup>:.....
6. Số điện thoại:.....; Địa chỉ E-mail:.....
7. Số vận đơn (B/L) hoặc chứng từ tương đương:.....
8. Số hoá đơn:.....
9. Cảng/cửa khẩu xuất khẩu:.....
10. Cảng/cửa khẩu nhập khẩu:.....
11. Quốc gia, vùng lãnh thổ xuất khẩu:.....
12. Thông tin chi tiết gỗ có mã HS thuộc Chương 44<sup>(6)</sup>:

TT	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Tên gỗ					Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (thanh/ tấm/ lóng)	Khối lượng/ trọng lượng (m <sup>3</sup> hoặc kg)	Ghi chú
		Tên phổ thông/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài <sup>(7)</sup>	Quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác	Dài	Rộng	Đường kính hoặc chiều dày			
1												
2												
...												
<b>Tổng:</b>												

13. Thông tin chi tiết sản phẩm gỗ có mã HS thuộc Chương 94<sup>(6)</sup>:

TT	Tên sản phẩm gỗ <sup>(8)</sup>	Số hiệu/ nhãn đánh dấu (nếu có)	Đơn vị tính	Tên gỗ					Số lượng sản phẩm	Khối lượng/ trọng lượng sản phẩm	Ghi chú
				Tên phổ thông/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học <sup>(9)</sup>	Nhóm loài <sup>(7)</sup>	Quốc, gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác			
1											
.....											
<b>Tổng:</b>											

## B. MỨC ĐỘ RỦI RO CỦA LÔ HÀNG NHẬP KHẨU

Tùy theo tình trạng lô hàng, đánh dấu vào ô thích hợp dưới đây<sup>(10)</sup>:

- B1. Gỗ không thuộc loài rủi ro và gỗ từ vùng địa lý tích cực: Không yêu cầu tài liệu bổ sung và không kê khai theo Mục C; phải kê khai theo Mục D dưới đây.
- B2. Gỗ thuộc loài rủi ro (bao gồm sản phẩm gỗ hỗn hợp có loài gỗ rủi ro) hoặc gỗ từ vùng địa lý không tích cực: Yêu cầu tài liệu bổ sung, kê khai theo Mục C và Mục D dưới đây.

## C. TÀI LIỆU BỔ SUNG

1. Gỗ nguyên liệu (ví dụ: thuộc các mã HS 4403, 4406, 4407)

Nếu gỗ nhập khẩu thuộc loài rủi ro hoặc từ vùng địa lý không tích cực, thì chủ gỗ phải kê khai và xuất trình một trong các tài liệu về truy xuất nguồn gốc hợp pháp sau đây:

a) Chứng chỉ quản lý rừng bền vững<sup>(11)</sup>:

TT	Tên loại chứng chỉ	Số hiệu chứng chỉ	Thời hạn của chứng chỉ

b) Giấy phép hoặc tài liệu chứng minh được phép khai thác gỗ:

TT	Loại giấy phép hoặc tài liệu	Số giấy phép hoặc số tài liệu	Ngày ban hành	Chủ thể ban hành	Ghi chú

c) Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác gỗ không quy định giấy phép khai thác đối với khu rừng mà gỗ này được khai thác, đề nghị cung cấp tài liệu bổ sung để chứng minh gỗ có nguồn gốc hợp pháp:

TT	Loại tài liệu <sup>(12)</sup>	Tài liệu số	Ngày ban hành	Chủ thể ban hành	Ghi chú
Quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác:					

Tên và địa chỉ của nhà cung cấp:			
Lý do không quy định giấy phép khai thác:			

Đính kèm bản sao các loại tài liệu (nếu có)

d) Trường hợp không có tài liệu khai thác, đề nghị cung cấp thông tin bổ sung sau:

TT	Loại tài liệu thay thế tài liệu khai thác	Tài liệu số	Ngày ban hành	Chủ thể ban hành	Ghi chú
Quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác:					
Tên và địa chỉ của nhà cung cấp:					
Lý do không quy định giấy phép khai thác:					

Đính kèm bản sao các loại tài liệu (nếu có)

2. Sản phẩm gỗ hỗn hợp (ví dụ: các mã HS thuộc Chương 44 và 94 ngoại trừ các mã HS: 4403, 4406, 4407)

Nếu sản phẩm gỗ được làm từ gỗ thuộc loài rủi ro hoặc từ vùng địa lý không tích cực thì chủ gỗ phải kê khai một trong các tài liệu về nguồn gốc khai thác hợp pháp và xuất trình kèm theo các tài liệu kê khai sau đây:

a) Chứng chỉ quản lý rừng bền vững<sup>(11)</sup>:

TT	Chứng chỉ (tên và loại)	Số hiệu chứng chỉ	Thời hạn của chứng chỉ

b) Trường hợp không có giấy phép hoặc tài liệu khai thác:

TT	Tài liệu chứng minh tính hợp pháp của gỗ	Tài liệu số	Ngày ban hành	Chủ thể ban hành	Ghi chú
Quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác:					
Tên và địa chỉ của nhà cung cấp:					
Tài liệu bổ sung thay thế chứng minh tính hợp pháp của gỗ theo quy định pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác:					

Đính kèm bản sao các loại tài liệu (nếu có)

#### **D. CÁC BIỆN PHÁP BỔ SUNG CỦA CHỦ GỖ NHẬP KHẨU ĐỂ GIẢM THIỂU RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN TÍNH HỢP PHÁP CỦA GỖ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA QUỐC GIA, VÙNG LÃNH THỔ NƠI KHAI THÁC**

1. Thông tin về quy định pháp luật đối với xuất khẩu gỗ của quốc gia, vùng lãnh thổ khai thác: Cung cấp thông tin về các quy định pháp luật (ví dụ: cấm xuất khẩu, yêu cầu giấy phép xuất khẩu v.v...) áp dụng đối với xuất khẩu gỗ cho từng sản phẩm hoặc loài của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác.

TT	Sản phẩm, loài và quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác	Quy định pháp luật đối với xuất khẩu gỗ của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác	Tài liệu tương ứng chủ gỗ đã có

2. Xác định rủi ro và biện pháp giảm thiểu: Xác định bất cứ rủi ro về khai thác và thương mại bất hợp pháp liên quan đến lô hàng theo quy định pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi khai thác và đề xuất các biện pháp giảm thiểu.

TT	Các rủi ro	Biện pháp giảm thiểu rủi ro

--	--	--

Tôi xin cam kết những thông tin kê khai là đúng, đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã kê khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**CHỦ GỖ NHẬP KHẨU**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

**Ghi chú:**

Cuối mỗi trang phần thông tin chi tiết tại nội dung 12 hoặc nội dung 13 Phần A của Bảng kê gỗ nhập khẩu ghi tổng số lượng, khối lượng của trang đó và có chữ ký của chủ gỗ; trang cuối của bảng kê ghi tổng số lượng, khối lượng của từng loài gỗ trong cả bảng kê.

Các trường hợp chủ gỗ không phải kê khai Mục B, Mục C, Mục D bảng kê này, gồm: (i) Gỗ nhập khẩu tại chỗ theo quy định pháp luật về Hải quan; (ii) Lô hàng gỗ có giấy phép CITES hoặc giấy phép FLEGT hoặc giấy phép xuất khẩu tương đương từ quốc gia, vùng lãnh thổ xuất khẩu đã ký VPA với EU và có cơ chế cấp phép FLEGT.

(1) Số của Bảng kê gỗ nhập khẩu, do chủ gỗ ghi số thứ tự theo số đã lập trong năm. Cách ghi theo ví dụ 20/001: 20 là năm 2020; 001 là số thứ tự Bảng kê gỗ nhập khẩu đã lập.

(2) Số thứ tự tờ Bảng kê gỗ nhập khẩu: Nếu bảng kê có nhiều hơn 1 tờ thì người khai phải ghi rõ tờ số mấy, tổng số tờ trên từng trang để các cơ quan có thẩm quyền xác minh, kiểm tra.

(3) Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc đầy đủ họ tên đối với cá nhân chủ gỗ.

(4) Ghi số đăng ký kinh doanh hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế đối với tổ chức/số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân đối với cá nhân.

(5) Ghi địa chỉ trụ sở trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức/địa chỉ thường trú trên chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với cá nhân.

(6) Ghi các thông tin của lô hàng gỗ nhập khẩu tại nội dung 12 và 13. Trường hợp lô hàng gỗ nhập khẩu có packing-list/log-list theo quy định của nước xuất khẩu có thông

tin phù hợp thì đính kèm vào bảng kê thay cho việc kê khai trực tiếp tại nội dung 12 hoặc 13 Mục A bảng kê này.

(7) Ghi PLI đối với gỗ thuộc Phụ lục I CITES; ghi PLII đối với gỗ thuộc Phụ lục II CITES; ghi IA đối với gỗ thuộc nhóm IA trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; ghi IIA đối với gỗ thuộc nhóm IIA trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm; ghi TT đối với gỗ thuộc loài thông thường.

(8) Ghi theo mã HS các mặt hàng gỗ, sản phẩm gỗ theo quy định.

(9) Ghi tên gỗ nguyên liệu sử dụng để chế biến thành sản phẩm, trường hợp sản phẩm gỗ sử dụng gỗ nguyên liệu hỗn hợp thì ghi lần lượt tên loài gỗ sử dụng chế biến thành sản phẩm gỗ theo thứ tự ưu tiên sau: Tên loài gỗ thuộc các Phụ lục CITES; tên loài gỗ thuộc Danh mục động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; trường hợp sản phẩm gỗ hỗn hợp là gỗ thông thường thì ghi tên gỗ chiếm tỉ lệ cao nhất trong sản phẩm gỗ trước, sau đó đến loài gỗ chiếm tỉ lệ thấp hơn.

(10) Vùng địa lý tích cực xác định theo quốc gia, vùng lãnh thổ xuất khẩu gỗ vào Việt Nam tại Nội dung 11 Mục A Bảng kê này.

(11) Hệ thống chứng chỉ được công nhận và đăng tải trên trang thông tin điện tử [www.kiemlam.org.vn](http://www.kiemlam.org.vn).

(12) Chủ gỗ kê khai các văn bản chứng minh khu rừng được khai thác mà theo quy định của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó không cần giấy phép khai thác.

### **MẪU 03: BẢNG KÊ KHAI NGUỒN GỐC GỖ NHẬP KHẨU**

#### **A. THÔNG TIN CHUNG VỀ LÔ HÀNG**

1. Tên và địa chỉ của chủ gỗ nhập khẩu <sup>(1)</sup>: Công ty TNHH AA, Kiến An, Hải Phòng, Việt Nam

2. Tên và địa chỉ của chủ gỗ xuất khẩu <sup>(2)</sup>: Hong Kong XXX Tading Limited. XXX Arthur Street Yau Ma Tei KL, Hong Kong

3. Mô tả hàng hóa <sup>(3)</sup>: Gỗ Padouk dạng xẻ

4. Mã HS: 4407

4. Tên khoa học của loài: Pterocarpus Soyauxii

6. Tên thương mại của loài <sup>(4)</sup>: Padouk

7. Khối lượng/Trọng lượng/ Số lượng hàng hóa <sup>(5)</sup>: 251.431m<sup>3</sup>/241.431KG/125 BE

8. Số vận đơn (B/L): LIB118XXX

9. Số hóa đơn: HKKDL170XXX-A

10. Bảng kê gỗ <sup>(6)</sup>: Số 21/3681/BKGNK

11. Nước xuất khẩu: Trung Quốc

12. Quốc gia nơi khai thác: Gabon

## B. MỨC ĐỘ RỦI RO CỦA LÔ HÀNG NHẬP KHẨU

Tùy theo tình trạng lô hàng, đánh dấu vào ô thích hợp dưới đây:

B1. Gỗ không thuộc loài rủi ro và gỗ từ vùng địa lý tích cực, **không yêu cầu tài liệu bổ sung, kê khai theo Mục C, Mục D dưới đây.**

B2. Gỗ thuộc loài rủi ro hoặc gỗ từ vùng địa lý không tích cực, **yêu cầu tài liệu bổ sung và kê khai theo Mục C và D dưới đây.**

## C. TÀI LIỆU BỔ SUNG

1. Gỗ nguyên liệu (ví dụ: thuộc các mã HS 4403, 4406, 4407)

Nếu gỗ nhập khẩu từ loài rủi ro hoặc từ vùng địa lý không tích cực, thì chủ gỗ phải kê khai một trong các tài liệu về nguồn gốc khai thác hợp pháp và xuất trình kèm theo các tài liệu kê khai sau đây:

a) Chứng chỉ tự nguyện hoặc chứng chỉ quốc gia của nước xuất khẩu được Việt Nam công nhận là đã đáp ứng tiêu chí của Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam:

TT	Tên loại chứng chỉ	Số hiệu chứng chỉ	Thời hạn của chứng chỉ
	FSC-FM/COC	GFA-FM-COC XXXXXX	13/11/2023

b) Giấy phép hoặc tài liệu chứng minh được phép khai thác gỗ:

TT	Loại giấy phép hoặc tài liệu	Số giấy phép hoặc số tài liệu	Ngày ban hành	Cơ quan/chủ thể ban hành	Ghi chú
	Không có				

c) Trường hợp quốc gia nơi khai thác gỗ không quy định giấy phép khai thác đối với khu rừng mà gỗ này được khai thác, đề nghị cung cấp tài liệu bổ sung sau:

TT	Loại tài liệu <sup>(7)</sup>	Tài liệu số	Ngày ban hành	Chủ thể ban hành	Ghi chú
	- Hợp đồng thương mại cung cấp gỗ giữa Cộng đồng và Công ty khai thác	02	1/9/2021		
Quốc gia nơi khai thác:			Gabon		
Tên và địa chỉ của nhà cung cấp			Bordamur BP		
Lý do không quy định giấy phép			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gỗ khai thác từ rừng cộng đồng địa phương không quy định phải có giấy phép khai thác, chỉ có hợp đồng thương mại</li> <li>- Mua bán thương mại</li> </ul>		

Đính kèm bản sao các loại tài liệu (nếu có)

d) Trường hợp không có tài liệu khai thác, đề nghị cung cấp thông tin bổ sung sau:

TT	Loại tài liệu thay thế tài liệu khai thác	Tài liệu số	Ngày ban hành	Chủ thể ban hành	Ghi chú
Quốc gia nơi khai thác:					
Tên và địa chỉ của nhà cung cấp					

Lý do không có tài liệu khai thác	
-----------------------------------	--

- Đính kèm bản sao các loại tài liệu thay thế (nếu có)

2. Sản phẩm gỗ hỗn hợp (ví dụ: các mã HS thuộc chương 44 và 94 ngoại trừ các mã HS: 4403, 4406, 4407)

Nếu sản phẩm gỗ được làm từ gỗ thuộc loài rủi ro hoặc từ vùng địa lý không tích cực thì chủ gỗ phải kê khai một trong các tài liệu về nguồn gốc khai thác hợp pháp và xuất trình kèm theo các tài liệu kê khai sau đây:

a) Chứng chỉ tự nguyện hoặc chứng chỉ quốc gia nước xuất khẩu được Việt Nam công nhận là đã đáp ứng tiêu chí của Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam:

TT	Chứng chỉ (tên và loại)	Số hiệu chứng chỉ	Thời hạn của chứng chỉ

b) Trường hợp không có giấy phép hoặc tài liệu khai thác:

TT	Tài liệu chứng minh tính hợp pháp của gỗ	Tài liệu số	Ngày ban hành	Chủ thể ban hành	Ghi chú
Xuất xứ gỗ:					
Tên và địa chỉ của nhà cung cấp/nhà xuất khẩu:					
Tài liệu bổ sung thay thế chứng minh tính hợp pháp của gỗ theo quy định pháp luật của quốc gia nơi khai thác					

- Đính kèm bản sao các tài liệu chứng minh hợp pháp (nếu có).

**D. CÁC BIỆN PHÁP BỔ SUNG CỦA CHỦ GỖ NHẬP KHẨU ĐỂ GIẢM THIỂU RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN TÍNH HỢP PHÁP CỦA GỖ THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA QUỐC GIA NƠI KHAI THÁC:**

1. Thông tin về quy định pháp luật đối với xuất khẩu gỗ của quốc gia khai thác: Xác định các quy định pháp luật (ví dụ: cấm xuất khẩu, yêu cầu giấy phép xuất khẩu v.v...) áp dụng đối với xuất khẩu gỗ cho từng sản phẩm hoặc loài của quốc gia nơi khai thác.

TT	Sản phẩm, loài và quốc gia nơi khai thác	Quy định pháp luật đối với xuất khẩu gỗ của quốc gia nơi khai thác	Bằng chứng tuân thủ
	- Gỗ xẻ loài Pterocarpus Soyauxii	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không bị cấm khai thác theo quy định luật pháp của Gabon.</li> <li>- Không nằm trong danh sách các loài CITES.</li> <li>- Gỗ xẻ không bị cấm xuất khẩu (từ 1/1/2022 Gabon cấm xuất khẩu gỗ tròn).</li> <li>- Rừng cộng đồng thuộc sở hữu nhà nước và cấp phép dựa trên thảo thuận với cơ quan nhà nước.</li> </ul>	-Hợp đồng thương mại giữa cộng đồng địa phương và Công ty khai thác gỗ

2. Xác định rủi ro và biện pháp giảm thiểu: Xác định bất cứ rủi ro về khai thác và thương mại bất hợp pháp liên quan đến lô hàng theo quy định pháp luật của quốc gia nơi khai thác và đề xuất các biện pháp giảm thiểu.

TT	Các rủi ro	Biện pháp giảm thiểu rủi ro
	Gỗ khai thác trái phép hoặc công ty cưa xẻ gỗ, công ty xuất khẩu không có giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu nhập gỗ có chứng chỉ FSC hoặc có phê duyệt sản lượng khai thác của Bộ Thủy lợi và Lâm nghiệp Garbon</li> <li>- Yêu cầu công ty xuất khẩu có hồ sơ hoạt động, kinh doanh</li> </ul>

**Cam kết của chủ gỗ nhập khẩu:** Tôi xin cam kết những thông tin kê khai là đúng, đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã kê khai.

....., ngày .... tháng .... năm .....

**CHỦ GỖ NHẬP KHẨU**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**Phụ lục. Mã tỉnh sử dụng trong mã hóa nhãn VFCS**

STT	Tên tỉnh	Mã số	STT	Tên tỉnh	Mã số
1	Hà Nội	001	33	Quảng Nam	049
2	Hà Giang	002	34	Quảng Ngãi	051
3	Cao Bằng	004	35	Bình Định	052
4	Bắc Kạn	006	36	Phú Yên	054
5	Tuyên Quang	008	37	Khánh Hòa	056
6	Lào Cai	010	38	Ninh Thuận	058
7	Điện Biên	011	39	Bình Thuận	060
8	Lai Châu	012	40	Kon Tum	062
9	Sơn La	014	41	Gia Lai	064
10	Yên Bái	015	42	Đắk Lắk	066
11	Hòa Bình	017	43	Đắk Nông	067
12	Thái Nguyên	019	44	Lâm Đồng	068
13	Lạng Sơn	020	45	Bình Phước	070
14	Quảng Ninh	022	46	Tây Ninh	072
15	Bắc Giang	024	47	Bình Dương	074
16	Phú Thọ	025	48	Đồng Nai	075
17	Vĩnh Phúc	026	49	Bà Rịa - Vũng Tàu	077

18	Bắc Ninh	027	50	TP. Hồ Chí Minh	079
19	Hải Dương	030	51	Long An	080
20	Hải Phòng	031	52	Tiền Giang	082
21	Hưng Yên	033	53	Bến Tre	083
22	Thái Bình	034	54	Trà Vinh	084
23	Hà Nam	035	55	Vĩnh Long	086
24	Nam Định	036	56	Đồng Tháp	087
25	Ninh Bình	037	57	An Giang	089
26	Thanh Hóa	038	58	Kiên Giang	091
27	Nghệ An	040	59	Cần Thơ	092
28	Hà Tĩnh	042	60	Hậu Giang	093
29	Quảng Bình	044	61	Sóc Trăng	094
30	Quảng Trị	045	62	Bạc Liêu	095
31	Thừa Thiên Huế	046	63	Cà Mau	096
32	Đà Nẵng	048			

## 8. Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo đánh giá các hệ thống chứng chỉ tự nguyện và chứng chỉ quốc gia được Việt Nam công nhận, Dự án GIZ, 2024.
2. Facts and Figures of FSC: <https://connect.fsc.org/impact/facts-figures>
3. Facts and Figures of PEFC: <https://cdn.pefc.org/pefc.org/media/2025-02/db003bc9-182c-4fe8-bfbc-6935a82b2489/349b1cea-2846-57e3-94f5-942410eb31a3.pdf>
4. FSC® Trademark Use Guide, 2020.
5. Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/09/2020 quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
6. Nghị định số 120/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
7. Nguyên tắc sử dụng nhãn VFCS và PEFC VFCS/PEFC ST 1008:2022.
8. Quyết định số 5135/QĐ-BNN-KL ngày 31/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Công bố Danh mục các loài gỗ đã nhập khẩu vào Việt Nam.
9. Văn kiện Hiệp định VPA/FLEGT giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Liên minh Châu Âu, 2019.
10. Tài liệu tập huấn về xác minh sự tuân thủ, trách nhiệm giải trình, phân loại doanh nghiệp cho Kiểm lâm, cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và doanh nghiệp, Dự án GIZ, 2024.
11. Trademark Quick Guide for Certificate Holders.

## **Dự án “Hỗ trợ quá trình thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT tại Việt Nam”**

Phòng 021, Tầng 2, Tòa Coco  
14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

T +84 24 393 295 72

<https://snrd-asia.org/support-to-the-implementation-of-the-vpa-flegt-in-viet-nam/>

